

PHỤ LỤC 02:
**DANH SÁCH THÍ SINH THEO SỐ BÁO DANH DỰ TUYỂN CÔNG CHỨC LOẠI C
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM NĂM 2017**

Lưu ý: Số lượng và danh sách thí sinh dự thi tuyển công chức theo từng vị trí việc làm tại từng đơn vị không thay đổi so với thông tin đã được công bố vào ngày 12/10/2017 và ngày 18/10/2017. Hội đồng tuyển dụng chỉ rà soát, cập nhật thông tin về ngày tháng năm sinh, được miễn thi tin học, ngoại ngữ và thuộc đối tượng ưu tiên (nếu có) trên cơ sở đề nghị và hồ sơ hợp lệ của thí sinh

SBD	TT	Họ và tên		Ngày sinh		Vị trí dự tuyển	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
				Nam	Nữ		Tin	Anh		
I. Danh sách thí sinh dự thi vào Vụ, Cục NHHNTW										
1001	1	Ngô Thị Hoài	An		12/05/1993	CV Tham mưu chính sách				
1002	2	Nguyễn Phương	Anh		11/04/1993	CV Tham mưu chính sách				
1003	3	Lê Văn	Anh	12/08/1995		CV Tham mưu chính sách				
1004	4	Vũ Mai Quỳnh	Anh		20/02/1994	CV Tham mưu chính sách		x		Học ĐH bằng tiếng nước ngoài
1005	5	Trương Thảo	Anh		24/7/1995	CV Tham mưu chính sách				
1006	6	Lê Thị Quỳnh	Anh		27/3/1995	CV Tham mưu chính sách				
1007	7	Nguyễn Tuấn	Anh	07/09/1991		CV Tham mưu chính sách				
1008	8	Nguyễn Chí	Anh	19/9/1995		CV Tham mưu chính sách				
1009	9	Trần Thị Huyền	Diệu		08/07/1994	CV Tham mưu chính sách				
1010	10	Lê Thị Thu	Dung		15/07/1989	CV Tham mưu chính sách			x	Con BB
1011	11	Vũ Mỹ	Dung		06/03/1994	CV Tham mưu chính sách			x	Con TB
1012	12	Đinh Mạnh	Dũng	26/12/1990		CV Tham mưu chính sách				
1013	13	Nguyễn Thị	Duyên		10/07/1993	CV Tham mưu chính sách				
1014	14	Nguyễn Thị	Duyên		15/4/1987	CV Tham mưu chính sách				
1015	15	Đỗ Hoàng	Đạt	15/10/1991		CV Tham mưu chính sách		x		Học ĐH bằng tiếng nước ngoài
1016	16	Nguyễn Thu	Hà		27/5/1993	CV Tham mưu chính sách				
1017	17	Nguyễn Thị Thu	Hà		03/07/1995	CV Tham mưu chính sách				
1018	18	Tô Thị Thu	Hà		01/07/1989	CV Tham mưu chính sách				
1019	19	Nguyễn Minh	Hằng		19/12/1992	CV Tham mưu chính sách				
1020	20	Nguyễn Thị Việt	Hằng		30/3/1987	CV Tham mưu chính sách		x		Học Thạc sĩ bằng tiếng nước ngoài
1021	21	Trần Quang	Hiếu	11/01/1994		CV Tham mưu chính sách		x		Học ĐH bằng tiếng nước ngoài
1022	22	Bùi Thị	Hoa		11/09/1982	CV Tham mưu chính sách			x	Con TB
1023	23	Nguyễn Minh	Huệ		01/02/1990	CV Tham mưu chính sách				
1024	24	Nguyễn Duy	Hùng	29/08/1990		CV Tham mưu chính sách				

SBD	TT	Họ và tên		Ngày sinh		Vị trí dự tuyển	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
				Nam	Nữ		Tin	Anh		
1025	25	Phạm Văn	Hùng	16/02/1993		CV Tham mưu chính sách				
1026	26	Trần Thị	Huyền		20/12/1993	CV Tham mưu chính sách				
1027	27	Kiều Thanh	Huyền		17/10/1993	CV Tham mưu chính sách				
1028	28	Trần Thị Lan	Hương		29/7/1995	CV Tham mưu chính sách				
1029	29	Nguyễn Văn	Lâm	23/02/1991		CV Tham mưu chính sách				
1030	30	Trần Khánh	Linh		25/07/1992	CV Tham mưu chính sách			x	Dân tộc Mường
1031	31	Hồ Diệu	Linh		22/11/1991	CV Tham mưu chính sách				
1032	32	Trần Ngọc	Linh		16/11/1991	CV Tham mưu chính sách				
1033	33	Nguyễn Thị Thùy	Linh		14/02/1992	CV Tham mưu chính sách		x		Học ĐH bằng tiếng nước ngoài
1034	34	Đỗ Mạnh	Long	26/7/1995		CV Tham mưu chính sách				
1035	35	Phạm Thị Hương	Ly		16/10/1995	CV Tham mưu chính sách				
1036	36	Đới Thị Khánh	Ly		06/5/1985	CV Tham mưu chính sách				
1037	37	Đặng Sao	Mai		20/08/1993	CV Tham mưu chính sách				
1038	38	Nguyễn Tiến	Nam	14/9/1991		CV Tham mưu chính sách				
1039	39	Phùng Thị Thanh	Nga		20/01/1991	CV Tham mưu chính sách				
1040	40	Vũ Thị	Nguyệt		21/12/1991	CV Tham mưu chính sách				
1041	41	Võ Hồng	Phong	06/11/1994		CV Tham mưu chính sách		x		Học ĐH bằng tiếng nước ngoài
1042	42	Nguyễn Văn	Phú	21/02/1992		CV Tham mưu chính sách				
1043	43	Nguyễn Thị	Phượng		15/03/1990	CV Tham mưu chính sách				
1044	44	Hoàng Minh	Phượng		28/7/1993	CV Tham mưu chính sách				
1045	45	Đỗ Thị Mỹ	Phượng		24/5/1995	CV Tham mưu chính sách				
1046	46	Nguyễn Văn	Quý	17/12/1993		CV Tham mưu chính sách				
1047	47	Tô Thị Ngọc	Quỳnh		16/01/1995	CV Tham mưu chính sách				
1048	48	Đỗ Ngọc	Son	10/02/1993		CV Tham mưu chính sách				
1049	49	Phạm Văn	Tài	03/11/1994		CV Tham mưu chính sách				
1050	50	Nguyễn Thị Minh	Toan		06/10/1995	CV Tham mưu chính sách				

SBD	TT	Họ và tên		Ngày sinh		Vị trí dự tuyển	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
				Nam	Nữ		Tin	Anh		
1051	51	Đặng Thị Thanh	Toàn		02/09/1991	CV Tham mưu chính sách				
1052	52	Vũ Thị Minh	Tú		10/11/1995	CV Tham mưu chính sách		x		Học ĐH bằng tiếng nước ngoài
1053	53	Giang Thanh	Tú		15/9/1993	CV Tham mưu chính sách				
1054	54	Lê Anh	Tuấn	21/10/1995		CV Tham mưu chính sách				
1055	55	Vũ Thanh	Tùng	04/05/1995		CV Tham mưu chính sách				
1056	56	Trần Văn	Thành	20/10/1990		CV Tham mưu chính sách				
1057	57	Ngô Thị Hương	Thảo		10/10/1995	CV Tham mưu chính sách				
1058	58	Đinh Thị Thu	Thảo		31/12/1992	CV Tham mưu chính sách				
1059	59	Cao Việt	Thắng	05/09/1990		CV Tham mưu chính sách				
1060	60	Đặng Thu	Thùy		10/03/1990	CV Tham mưu chính sách				
1061	61	Đặng Thị Diệu	Thùy		11/11/1993	CV Tham mưu chính sách			x	Con TB
1062	62	Trần Cẩm	Thúy		29/7/1991	CV Tham mưu chính sách				
1063	63	Cao Thị	Thương		08/05/1990	CV Tham mưu chính sách		x	x	Học Thạc sĩ bằng tiếng nước ngoài; Con BB
1064	64	Đặng Thị	Trang		20/3/1993	CV Tham mưu chính sách		x		Học ĐH bằng tiếng nước ngoài
1065	65	Trần Thị Mai	Trang		01/12/1994	CV Tham mưu chính sách				
1066	66	Kiều Huyền	Trang		04/09/1991	CV Tham mưu chính sách				
1067	67	Nguyễn Việt Bảo	Trung	11/10/1993		CV Tham mưu chính sách				
1068	68	Lê Thị Hồng	Vân		15/09/1992	CV Tham mưu chính sách				
1069	69	Nguyễn Tuấn	Vũ	22/8/1994		CV Tham mưu chính sách				
1070	1	Lê Trịnh Bình	An		02/08/1993	CV Nghiệp vụ		x		Học ĐH bằng tiếng nước ngoài
1071	2	Trương Việt	An	16/10/1991		CV Nghiệp vụ			x	Con TB
1072	3	Tô Thị Ngọc	An		20/8/1991	CV Nghiệp vụ				
1073	4	Bùi Thị Mai	An		01/04/1991	CV Nghiệp vụ				
1074	5	Nguyễn Thị	An		08/02/1993	CV Nghiệp vụ				
1075	6	Nguyễn Thị Thùy	Anh		04/07/1994	CV Nghiệp vụ				
1076	7	Đặng Thị Lan	Anh		24/07/1994	CV Nghiệp vụ				

SBD	TT	Họ và tên		Ngày sinh		Vị trí dự tuyển	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
				Nam	Nữ		Tin	Anh		
1077	8	Nguyễn Lan	Anh		28/06/1991	CV Nghiệp vụ		x		Học Thạc sĩ bằng tiếng nước ngoài
1078	9	Đinh Thùy	Anh		20/08/1992	CV Nghiệp vụ				
1079	10	Nguyễn Phương	Anh		22/12/1995	CV Nghiệp vụ				
1080	11	Đặng Quỳnh	Anh		15/08/1993	CV Nghiệp vụ				
1081	12	Nguyễn Thị Lan	Anh		15/07/1990	CV Nghiệp vụ			x	Con TB
1082	13	Nguyễn Thị Mai	Anh		10/09/1991	CV Nghiệp vụ				
1083	14	Lương Ngọc Vân	Anh		09/12/1990	CV Nghiệp vụ				
1084	15	Bùi Thị Việt	Anh		06/08/1986	CV Nghiệp vụ				
1085	16	Nguyễn Lan	Anh		08/05/1992	CV Nghiệp vụ				
1086	17	Lê Đức	Anh	28/8/1993		CV Nghiệp vụ		x		Cử nhân ngoại ngữ
1087	18	Tổng Quang	Anh	16/11/1994		CV Nghiệp vụ		x		Học ĐH bằng tiếng nước ngoài
1088	19	Phạm Thị Châu	Anh		21/6/1988	CV Nghiệp vụ		x		Học Thạc sĩ bằng tiếng nước ngoài
1089	20	Nguyễn Thị Lan	Anh		03/03/1993	CV Nghiệp vụ				
1090	21	Nguyễn Hoài	Anh		12/03/1995	CV Nghiệp vụ				
1091	22	Hoàng Quỳnh	Anh		21/1/1995	CV Nghiệp vụ				
1092	23	Nguyễn Thị Ngọc	Anh		25/01/1994	CV Nghiệp vụ				
1093	24	Trần Minh	Anh		07/03/1993	CV Nghiệp vụ				
1094	25	Trần Thị Hương	Anh		06/10/1990	CV Nghiệp vụ				
1095	26	Đỗ Tuấn	Anh	06/07/1993		CV Nghiệp vụ	x			Cử nhân Tin học
1096	27	Đỗ Hoàng	Anh	26/8/1992		CV Nghiệp vụ				
1097	28	Vũ Mai	Anh		01/01/1995	CV Nghiệp vụ		x		Học ĐH bằng tiếng nước ngoài
1098	29	Nguyễn Thị Lan	Anh		07/04/1995	CV Nghiệp vụ				
1099	30	Nguyễn Thị Vân	Anh		15/7/1987	CV Nghiệp vụ				
1100	31	Tăng Thùy	Anh		15/05/1990	CV Nghiệp vụ		x		Học Thạc sĩ bằng tiếng nước ngoài
1101	32	Hoàng Ngọc	Anh		27/11/1990	CV Nghiệp vụ				
1102	33	Trịnh Nguyệt	Anh		04/03/1992	CV Nghiệp vụ			x	Dân tộc Cao Lan

SBD	TT	Họ và tên		Ngày sinh		Vị trí dự tuyển	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
				Nam	Nữ		Tin	Anh		
1103	34	Vũ Thị Ngọc	Ánh		29/06/1994	CV Nghiệp vụ				
1104	35	Nguyễn Phúc	Bảo	10/07/1995		CV Nghiệp vụ		x		Học ĐH bằng tiếng nước ngoài
1105	36	Bùi Thị	Bích		05/05/1994	CV Nghiệp vụ				
1106	37	Nguyễn Hải	Bình		08/02/1995	CV Nghiệp vụ				
1107	38	Nguyễn Huy	Bình	01/10/1988		CV Nghiệp vụ				
1108	39	Ngô Thị	Cúc		09/11/1994	CV Nghiệp vụ				
1109	40	Phạm Ngọc	Cương	07/11/1992		CV Nghiệp vụ				
1110	41	Đặng Đức	Cường	21/9/1992		CV Nghiệp vụ				
1111	42	Vũ Ngọc	Châu	24/10/1993		CV Nghiệp vụ				
1112	43	Nguyễn Linh	Chi		10/10/1995	CV Nghiệp vụ				
1113	44	Nguyễn Phương	Chi		22/8/1994	CV Nghiệp vụ				
1114	45	Nguyễn Lan	Chi		10/04/1993	CV Nghiệp vụ		x		Học ĐH, Thạc sĩ bằng tiếng nước ngoài
1115	46	Hoàng Văn	Chí	06/07/1995		CV Nghiệp vụ				
1116	47	Nguyễn Thị	Chung		04/07/1987	CV Nghiệp vụ				
1117	48	Nguyễn Ngọc	Diệp		21/09/1987	CV Nghiệp vụ		x		Học Thạc sĩ bằng tiếng nước ngoài
1118	49	Nguyễn Thị Hồng	Dịu		20/5/1992	CV Nghiệp vụ				
1119	50	Trần Thị Thùy	Dung		27/12/1994	CV Nghiệp vụ				
1120	51	Phạm Phương	Dung		24/5/1991	CV Nghiệp vụ				
1121	52	Trần Thị Thùy	Dung		02/04/1995	CV Nghiệp vụ				
1122	53	Nguyễn Thị Thùy	Dung		11/06/1994	CV Nghiệp vụ				
1123	54	Nguyễn Thùy	Dương		13/12/1988	CV Nghiệp vụ				
1124	55	Lê Thị Thùy	Dương		07/10/1987	CV Nghiệp vụ				
1125	56	Trần Viết	Đán	09/08/1993		CV Nghiệp vụ				
1126	57	Đào Thành	Đạt	06/07/1990		CV Nghiệp vụ		x		Học ĐH bằng tiếng nước ngoài
1127	58	Nguyễn Thị	Định		10/12/1992	CV Nghiệp vụ			x	Con BB
1128	59	Hà Quang	Đông	08/02/1994		CV Nghiệp vụ				

SBD	TT	Họ và tên		Ngày sinh		Vị trí dự tuyển	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
				Nam	Nữ		Tin	Anh		
1129	60	Phạm Trung	Đức	21/10/1989		CV Nghiệp vụ		x		Học ĐH, Thạc sĩ bằng tiếng nước ngoài
1130	61	Hoàng Tiến	Đức	02/07/1990		CV Nghiệp vụ		x		Học ĐH bằng tiếng nước ngoài
1131	62	Hoàng Thị Minh	Giang		01/08/1992	CV Nghiệp vụ				
1132	63	Dương Thị Hương	Giang		26/9/1991	CV Nghiệp vụ				
1133	64	Vũ Thị Hương	Giang		19/9/1989	CV Nghiệp vụ				
1134	65	Phạm Ngọc Hương	Giang		09/09/1995	CV Nghiệp vụ				
1135	66	Nguyễn Thu	Hà		22/12/1987	CV Nghiệp vụ				
1136	67	Lê Minh	Hà		19/12/1995	CV Nghiệp vụ				
1137	68	Võ Thị	Hà		25/8/1994	CV Nghiệp vụ				
1138	69	Nguyễn Thị Hải	Hà		03/07/1995	CV Nghiệp vụ				
1139	70	Lê Thị Vân	Hà		21/9/1985	CV Nghiệp vụ				
1140	71	Đào Thị Thu	Hà		22/8/1994	CV Nghiệp vụ				
1141	72	Nguyễn Chí Trần	Hà	07/10/1990		CV Nghiệp vụ				
1142	73	Nguyễn Ngọc	Hà		03/01/1988	CV Nghiệp vụ				
1143	74	Trần Thị	Hà		15/9/1993	CV Nghiệp vụ				
1144	75	Trịnh Ngọc	Hải	30/10/1994		CV Nghiệp vụ				
1145	76	Nguyễn Thanh	Hải		02/12/1990	CV Nghiệp vụ				
1146	77	Vũ Mạnh	Hải	02/02/1995		CV Nghiệp vụ		x		Học ĐH bằng tiếng nước ngoài
1147	78	Nguyễn Thị	Hải		20/10/1988	CV Nghiệp vụ			x	Con TB
1148	79	Hoàng Thị	Hải		15/8/1992	CV Nghiệp vụ				
1149	80	Lê Thị	Hải		03/10/1984	CV Nghiệp vụ		x		Học Thạc sĩ bằng tiếng nước ngoài
1150	81	Lê Thanh	Hải	23/1/1991		CV Nghiệp vụ				
1151	82	Phạm Thị Minh	Hải		02/11/1994	CV Nghiệp vụ				
1152	83	Cao Hoàng	Hạnh		10/05/1992	CV Nghiệp vụ				
1153	84	Bùi Thị Hồng	Hạnh		03/06/1990	CV Nghiệp vụ				
1154	85	Trần Thị Thúy	Hạnh		05/01/1992	CV Nghiệp vụ				

SBD	TT	Họ và tên		Ngày sinh		Vị trí dự tuyển	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
				Nam	Nữ		Tin	Anh		
1155	86	Nông Thị Hồng	Hạnh		14/7/1987	CV Nghiệp vụ			x	Dân tộc Nùng
1156	87	Phạm Đức	Hạnh	07/04/1992		CV Nghiệp vụ				
1157	88	Lê Thị Hồng	Hạnh		15/12/1991	CV Nghiệp vụ				
1158	89	Trịnh Thị	Hào		07/03/1979	CV Nghiệp vụ				
1159	90	Vũ Thị	Hằng		05/01/1992	CV Nghiệp vụ				
1160	91	Nguyễn Thu	Hằng		24/11/1995	CV Nghiệp vụ				
1161	92	Hoàng Thị	Hằng		14/12/1990	CV Nghiệp vụ				
1162	93	Nguyễn Thị Bích	Hậu		18/04/1993	CV Nghiệp vụ		x		Học ĐH bằng tiếng nước ngoài
1163	94	Hàn Hữu	Hậu	10/07/1987		CV Nghiệp vụ				
1164	95	Ngô Thị	Hiên		14/10/1991	CV Nghiệp vụ		x		Cử nhân ngoại ngữ
1165	96	Nguyễn Thu	Hiên		20/11/1992	CV Nghiệp vụ			x	Con người bị nhiễm chất độc hóa học
1166	97	Phùng Thị Thu	Hiên		20/2/1993	CV Nghiệp vụ				
1167	98	Đỗ Thị	Hiên		19/4/1995	CV Nghiệp vụ				
1168	99	Nguyễn Thu	Hiên		28/5/1991	CV Nghiệp vụ				
1169	100	Phạm Thị Thu	Hiên		22/12/1991	CV Nghiệp vụ				
1170	101	Nguyễn Kim	Hiên		30/3/1994	CV Nghiệp vụ				
1171	102	Phạm Hoàng	Hiên	14/9/1993		CV Nghiệp vụ				
1172	103	Đặng Trần Tuấn	Hiệp	27/4/1995		CV Nghiệp vụ				
1173	104	Trần Trung	Hiếu	17/1/1994		CV Nghiệp vụ				
1174	105	Đào Thị	Hoa		28/08/1987	CV Nghiệp vụ				
1175	106	Ngô Quỳnh	Hoa		15/11/1991	CV Nghiệp vụ		x		Cử nhân ngoại ngữ
1176	107	Nguyễn Thị	Hoa		12/01/1995	CV Nghiệp vụ				
1177	108	Lê Thị Thanh	Hòa		01/10/1991	CV Nghiệp vụ				
1178	109	Nguyễn Thị Khánh	Hòa		30/4/1994	CV Nghiệp vụ				
1179	110	Nguyễn Khánh	Hòa		18/9/1990	CV Nghiệp vụ				
1180	111	Lưu Thị	Hoàn		06/08/1986	CV Nghiệp vụ				

SBD	TT	Họ và tên	Ngày sinh		Vị trí dự tuyển	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ		Tin	Anh		
1181	112	Nguyễn Thúy Hoàn		18/12/1991	CV Nghiệp vụ				
1182	113	Nguyễn Việt Hoàng	05/05/1991		CV Nghiệp vụ				
1183	114	Đàm Vũ Hoàng	22/4/1994		CV Nghiệp vụ				
1184	115	Lâm Quốc Hoàng	23/1/1992		CV Nghiệp vụ			x	Dân tộc Nùng
1185	116	Lê Thị Hồng		16/5/1993	CV Nghiệp vụ				
1186	117	Lê Thị Hồng		14/10/1987	CV Nghiệp vụ		x		Học ĐH bằng tiếng nước ngoài
1187	118	Nguyễn Thị Hồng Huế		03/07/1989	CV Nghiệp vụ				
1188	119	Vũ Thị Huế		23/12/1990	CV Nghiệp vụ				
1189	120	Nguyễn Hoàng Huệ		03/02/1993	CV Nghiệp vụ				
1190	121	Khổng Thị Kim Huệ		11/09/1988	CV Nghiệp vụ				
1191	122	Nguyễn Đức Hùng	23/9/1993		CV Nghiệp vụ				
1192	123	Bùi Xuân Huy	22/01/1993		CV Nghiệp vụ	x		x	Cử nhân Hệ thống thông tin quản lý; Quân hàm Thiếu úy SQDB
1193	124	Vũ Quang Huy	02/09/1994		CV Nghiệp vụ				
1194	125	Vũ Nguyên Huy	30/12/1995		CV Nghiệp vụ				
1195	126	Lê Quang Huy	25/9/1990		CV Nghiệp vụ			x	Con TB
1196	127	Phùng Quang Huy	16/1/1995		CV Nghiệp vụ				
1197	128	Mai Đức Huy	14/4/1993		CV Nghiệp vụ		x		Học ĐH bằng tiếng nước ngoài
1198	129	Nguyễn Thị Huyền		15/11/1991	CV Nghiệp vụ				
1199	130	Ngô Thanh Huyền		11/01/1992	CV Nghiệp vụ		x		Cử nhân ngoại ngữ
1200	131	Nguyễn Thị Huyền		15/11/1990	CV Nghiệp vụ			x	Con BB
1201	132	Đỗ Thị Thanh Huyền		21/09/1993	CV Nghiệp vụ				
1202	133	Nguyễn Thị Huyền		11/11/1993	CV Nghiệp vụ				
1203	134	Lê Minh Huyền		21/11/1991	CV Nghiệp vụ				
1204	135	Phan Thị Thanh Huyền		10/10/1995	CV Nghiệp vụ				
1205	136	Đoàn Khánh Huyền		05/03/1991	CV Nghiệp vụ				

SBD	TT	Họ và tên		Ngày sinh		Vị trí dự tuyển	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
				Nam	Nữ		Tin	Anh		
1206	137	Lê Thị Ngọc	Huyền		16/2/1994	CV Nghiệp vụ				
1207	138	Nguyễn Thị	Huyền		09/05/1987	CV Nghiệp vụ				
1208	139	Nguyễn Thị Thanh	Huyền		06/07/1993	CV Nghiệp vụ				
1209	140	Thái Thị Thương	Huyền		17/12/1985	CV Nghiệp vụ	x			Cao đẳng Tin học
1210	141	Nguyễn Thị Thanh	Huyền		07/03/1991	CV Nghiệp vụ				
1211	142	Phạm Thị Thu	Huyền		20/6/1986	CV Nghiệp vụ				
1212	143	Đỗ Thị	Huyền		23/1/1995	CV Nghiệp vụ				
1213	144	Lê Bảo	Hưng	23/11/1994		CV Nghiệp vụ		x		Học ĐH bằng tiếng nước ngoài
1214	145	Phạm Tuấn	Hưng	25/11/1990		CV Nghiệp vụ				
1215	146	Tạ Thu	Hương		05/08/1991	CV Nghiệp vụ				
1216	147	Nguyễn Thị Mai	Hương		22/9/1992	CV Nghiệp vụ				
1217	148	Phan Nguyễn Mai	Hương		22/4/1995	CV Nghiệp vụ		x		Học ĐH bằng tiếng nước ngoài
1218	149	Trần Thị Mai	Hương		15/8/1991	CV Nghiệp vụ		x		Học ĐH bằng tiếng nước ngoài
1219	150	Nguyễn Thị	Hường		24/12/1991	CV Nghiệp vụ			x	Con BB
1220	151	Đặng Thúy	Hường		17/4/1993	CV Nghiệp vụ				
1221	152	Lê Trung	Kiên	06/07/1993		CV Nghiệp vụ				
1222	153	Đặng Kim	Khánh		12/06/1991	CV Nghiệp vụ				
1223	154	Phạm Mạnh	Khoa	01/08/1990		CV Nghiệp vụ				
1224	155	Đào Đăng	Khoa	19/8/1994		CV Nghiệp vụ				
1225	156	Lê Thị Thanh	Lam		10/11/1993	CV Nghiệp vụ				
1226	157	Đặng Thị Thúy	Lan		12/10/1989	CV Nghiệp vụ				
1227	158	Mai Thị Ngọc	Lan		30/5/1985	CV Nghiệp vụ				
1228	159	Đỗ Thảo	Lan		28/01/1995	CV Nghiệp vụ				
1229	160	Lý Văn	Lanh	05/10/1984		CV Nghiệp vụ			x	Dân tộc Sán Chí
1230	161	Nguyễn Tùng	Lâm	29/10/1993		CV Nghiệp vụ				
1231	162	Nguyễn Bảo	Lê		09/10/1991	CV Nghiệp vụ				

SBD	TT	Họ và tên	Ngày sinh		Vị trí dự tuyển	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ		Tin	Anh		
1232	163	Trịnh Thị Lệ		21/10/1993	CV Nghiệp vụ				
1233	164	Phạm Thùy Liên		31/3/1986	CV Nghiệp vụ				
1234	165	Đào Phương Linh		01/03/1995	CV Nghiệp vụ				
1235	166	Hà Thị Phương Linh		29/11/1993	CV Nghiệp vụ			x	Dân tộc Tày
1236	167	Đinh Thị Thùy Linh		17/03/1994	CV Nghiệp vụ		x		Cử nhân ngoại ngữ
1237	168	Phạm Mỹ Linh		01/11/1994	CV Nghiệp vụ				
1238	169	Phạm Thị Thùy Linh		11/07/1992	CV Nghiệp vụ				
1239	170	Trần Tuấn Linh	02/11/1994		CV Nghiệp vụ				
1240	171	Lại Thùy Linh		19/08/1994	CV Nghiệp vụ				
1241	172	Nguyễn Khánh Linh		16/11/1993	CV Nghiệp vụ				
1242	173	Đinh Thùy Linh		19/5/1994	CV Nghiệp vụ				
1243	174	Nguyễn Khánh Linh	06/09/1993		CV Nghiệp vụ			x	Dân tộc Nùng
1244	175	Trần Diệu Linh		05/09/1993	CV Nghiệp vụ				
1245	176	Nguyễn Nhật Linh		06/05/1995	CV Nghiệp vụ				
1246	177	Trịnh Thị Thùy Linh		12/07/1991	CV Nghiệp vụ		x		Cử nhân ngoại ngữ
1247	178	Hoàng Mạnh Linh	21/12/1993		CV Nghiệp vụ				
1248	179	Nguyễn Hải Linh		12/06/1995	CV Nghiệp vụ				
1249	180	Lê Thùy Linh		20/1/1993	CV Nghiệp vụ				
1250	181	Nguyễn Thị Khánh Linh		19/6/1995	CV Nghiệp vụ				
1251	182	Nguyễn Tuấn Linh	28/5/1995		CV Nghiệp vụ				
1252	183	Vũ Thị Ngọc Linh		19/9/1993	CV Nghiệp vụ				
1253	184	Lương Thị Diệu Linh		02/09/1992	CV Nghiệp vụ				
1254	185	Trần Thủy Linh		21/11/1995	CV Nghiệp vụ				
1255	186	Lưu Thị Thùy Linh		25/12/1992	CV Nghiệp vụ				
1256	187	Nguyễn Thị Mỹ Linh		23/9/1995	CV Nghiệp vụ				
1257	188	Nguyễn Thùy Linh		21/4/1993	CV Nghiệp vụ		x		Học ĐH bằng tiếng nước ngoài

SBD	TT	Họ và tên		Ngày sinh		Vị trí dự tuyển	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
				Nam	Nữ		Tin	Anh		
1258	189	Nguyễn Thùy	Linh		01/05/1994	CV Nghiệp vụ				
1259	190	Tổng Khánh	Linh		28/1/1995	CV Nghiệp vụ				
1260	191	Nguyễn Thị Thúy	Loan		24/08/1994	CV Nghiệp vụ				
1261	192	Nguyễn Thanh	Loan		02/03/1993	CV Nghiệp vụ				
1262	193	Nguyễn Giang	Loan		23/12/1990	CV Nghiệp vụ				
1263	194	Vương Thu	Loan		02/11/1987	CV Nghiệp vụ			x	Dân tộc Pu-y
1264	195	Đỗ Thị Thanh	Loan		05/12/1995	CV Nghiệp vụ				
1265	196	Nguyễn Tố	Loan		03/11/1988	CV Nghiệp vụ		x		Học ĐH bằng tiếng nước ngoài
1266	197	Bùi Quốc	Lộc	13/3/1993		CV Nghiệp vụ				
1267	198	Nguyễn Thị Diệu	Ly		08/01/1995	CV Nghiệp vụ				
1268	199	Nguyễn Thị	Lý		20/2/1990	CV Nghiệp vụ				
1269	200	Nguyễn Hạnh	Mai		15/10/1989	CV Nghiệp vụ				
1270	201	Đặng Thị	Mai		12/06/1993	CV Nghiệp vụ				
1271	202	Nguyễn Phong	Mai		08/08/1991	CV Nghiệp vụ				
1272	203	Lê Thị	Mai		14/4/1991	CV Nghiệp vụ			x	Dân tộc Sán Diu
1273	204	Nguyễn Thị Ngọc	Mai		20/5/1994	CV Nghiệp vụ				
1274	205	Đinh Thị Ngọc	Mai		18/2/1995	CV Nghiệp vụ				
1275	206	Nguyễn Thu	Mây		22/9/1988	CV Nghiệp vụ				
1276	207	Trịnh Ngọc Đăng	Minh	11/07/1990		CV Nghiệp vụ				
1277	208	Đặng Thị Nguyệt	Minh		07/11/1994	CV Nghiệp vụ				
1278	209	Đinh Văn	Môn	12/07/1988		CV Nghiệp vụ				
1279	210	Nguyễn Ngọc Hà	My		17/10/1995	CV Nghiệp vụ				
1280	211	Lê Thị Trà	My		18/4/1991	CV Nghiệp vụ				
1281	212	Đinh Đức	Nam	12/08/1991		CV Nghiệp vụ			x	Dân tộc Mường
1282	213	Vũ Thị	Nụ		28/4/1988	CV Nghiệp vụ				
1283	214	Lại Thanh	Nga		26/02/1995	CV Nghiệp vụ				

SBD	TT	Họ và tên		Ngày sinh		Vị trí dự tuyển	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
				Nam	Nữ		Tin	Anh		
1284	215	Đặng Thị Quỳnh	Nga		03/01/1985	CV Nghiệp vụ				
1285	216	Ngô Hằng	Nga		16/12/1987	CV Nghiệp vụ				
1286	217	Phạm Linh	Nga		06/12/1991	CV Nghiệp vụ				
1287	218	Đỗ Thanh	Nga		10/12/1994	CV Nghiệp vụ				
1288	219	Vũ Thu	Nga		13/7/1991	CV Nghiệp vụ				
1289	220	Bùi Quỳnh	Nga		21/8/1991	CV Nghiệp vụ				
1290	221	Lưu Thị Hằng	Nga		29/9/1991	CV Nghiệp vụ				
1291	222	Nguyễn Trọng	Nghĩa	11/10/1989		CV Nghiệp vụ		x		Học ĐH bằng tiếng nước ngoài
1292	223	Trần Minh	Ngọc		29/12/1990	CV Nghiệp vụ				
1293	224	Hà Hồng	Ngọc		12/03/1995	CV Nghiệp vụ				
1294	225	Vũ Thị Bích	Ngọc		04/01/1993	CV Nghiệp vụ		x		Học Thạc sĩ bằng tiếng nước ngoài
1295	226	Nguyễn Thị Bích	Ngọc		01/05/1988	CV Nghiệp vụ				
1296	227	Nguyễn Thị Bích	Ngọc		24/12/1995	CV Nghiệp vụ				
1297	228	Lê Đình	Ngọc	05/04/1992		CV Nghiệp vụ		x		Học Thạc sĩ bằng tiếng nước ngoài
1298	229	Nguyễn Lê Minh	Ngọc		21/4/1994	CV Nghiệp vụ				
1299	230	Kiều Bích	Ngọc		25/12/1990	CV Nghiệp vụ		x		Học Thạc sĩ bằng tiếng nước ngoài
1300	231	Lý Thị Bích	Ngọc		29/4/1990	CV Nghiệp vụ				
1301	232	Nguyễn Bảo	Ngọc		04/11/1990	CV Nghiệp vụ				
1302	233	Hoàng Thị Hạnh	Nhân		16/10/1994	CV Nghiệp vụ				
1303	234	Lê Thị	Nhấn		01/05/1991	CV Nghiệp vụ				
1304	235	Trương Hải	Nhi		18/02/1995	CV Nghiệp vụ				
1305	236	Tào Thị Tuyết	Nhung		22/12/1994	CV Nghiệp vụ				
1306	237	Lâm Thị Cẩm	Nhung		16/5/1995	CV Nghiệp vụ				
1307	238	Vũ Hồng	Nhung		28/10/1995	CV Nghiệp vụ				
1308	239	Nguyễn Thị Hồng	Nhung		17/10/1994	CV Nghiệp vụ				
1309	240	Ngô Hồng	Nhung		15/7/1990	CV Nghiệp vụ				

SBD	TT	Họ và tên		Ngày sinh		Vị trí dự tuyển	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
				Nam	Nữ		Tin	Anh		
1310	241	Nguyễn Thị Hồng	Nhung		01/06/1988	CV Nghiệp vụ				
1311	242	Đỗ Lâm	Oanh		30/05/1995	CV Nghiệp vụ				
1312	243	Trần Kiều	Oanh		01/03/1995	CV Nghiệp vụ				
1313	244	Đỗ Thị	Oanh		02/07/1986	CV Nghiệp vụ				
1314	245	Nghiêm Hà	Phong	27/10/1992		CV Nghiệp vụ				
1315	246	Mai Đăng	Phúc	25/11/1993		CV Nghiệp vụ				
1316	247	Trần Quỳnh	Phương		25/12/1989	CV Nghiệp vụ				
1317	248	Lê Lan	Phương		19/12/1992	CV Nghiệp vụ				
1318	249	Nguyễn Thị Mai	Phương		16/7/1991	CV Nghiệp vụ				
1319	250	Vương Thị Bích	Phương		29/10/1994	CV Nghiệp vụ				
1320	251	Trần Quốc	Phương	21/2/1994		CV Nghiệp vụ				
1321	252	Nguyễn Bình	Phương	24/04/1986		CV Nghiệp vụ		x		Học Thạc sĩ bằng tiếng nước ngoài
1322	253	Nguyễn Lê	Phương		07/05/1987	CV Nghiệp vụ				
1323	254	Nguyễn Mai	Phương		13/12/1994	CV Nghiệp vụ				
1324	255	Nguyễn Thanh	Phương		03/10/1988	CV Nghiệp vụ				
1325	256	Dương Bích	Phương		11/09/1992	CV Nghiệp vụ				
1326	257	Hoàng Thị Mai	Phương		09/10/1989	CV Nghiệp vụ				
1327	258	Vũ Thị Lan	Phương		07/11/1994	CV Nghiệp vụ				
1328	259	Phạm Thị Thu	Phương		02/04/1994	CV Nghiệp vụ				
1329	260	Hoàng Thị Mai	Phương		09/12/1995	CV Nghiệp vụ				
1330	261	Phí Việt	Phương	05/12/1985		CV Nghiệp vụ	x	x		Cao đẳng Tin học; Học Đại học, Thạc sĩ bằng tiếng nước ngoài
1331	262	Lưu Ngọc	Phương		21/11/1990	CV Nghiệp vụ				
1332	263	Đỗ Minh	Phương		28/10/1991	CV Nghiệp vụ				
1333	264	Nguyễn Ngọc	Quang	10/02/1992		CV Nghiệp vụ				
1334	265	Nguyễn Tiến	Quang	25/10/1993		CV Nghiệp vụ				
1335	266	Nguyễn Đức	Quân	18/12/1994		CV Nghiệp vụ				

SBD	TT	Họ và tên		Ngày sinh		Vị trí dự tuyển	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
				Nam	Nữ		Tin	Anh		
1336	267	Ngô Vũ Hồng	Quân	14/12/1994		CV Nghiệp vụ				
1337	268	Hoàng	Quý	04/11/1991		CV Nghiệp vụ				
1338	269	Hà Thị Tố	Quyên		09/11/1992	CV Nghiệp vụ		x		Học ĐH bằng tiếng nước ngoài
1339	270	Phạm Văn	Quyên		19/03/1992	CV Nghiệp vụ				
1340	271	Nguyễn Thị	Quỳnh		21/01/1994	CV Nghiệp vụ				
1341	272	Vũ Hương	Quỳnh		29/11/1988	CV Nghiệp vụ				
1342	273	Đinh Thị Xuân	Quỳnh		13/2/1993	CV Nghiệp vụ		x		Học Thạc sĩ bằng tiếng nước ngoài
1343	274	Hoàng Nam	Sơn	08/02/1994		CV Nghiệp vụ				
1344	275	Vũ Thanh	Sơn	20/06/1991		CV Nghiệp vụ				
1345	276	Hà Quốc	Sơn	21/2/1995		CV Nghiệp vụ				
1346	277	Tạ Đức	Tài	27/6/1993		CV Nghiệp vụ				
1347	278	Nguyễn Thị Minh	Tâm		20/08/1995	CV Nghiệp vụ			x	Dân tộc Tày
1348	279	Doãn Thị	Tâm		28/12/1990	CV Nghiệp vụ				
1349	280	Trịnh Thị Minh	Tâm		04/08/1993	CV Nghiệp vụ			x	Con Liệt sĩ
1350	281	Đỗ Thị Thanh	Tâm		16/6/1995	CV Nghiệp vụ				
1351	282	Nguyễn Cảnh	Tâm	29/1/1993		CV Nghiệp vụ				
1352	283	Bùi Văn	Tiến	10/01/1994		CV Nghiệp vụ				
1353	284	Diệp Minh	Toán	19/01/1992		CV Nghiệp vụ			x	Dân tộc Sán Dìu
1354	285	Bùi Anh	Tú	07/05/1996		CV Nghiệp vụ				
1355	286	Lê Hùng	Tú	29/9/1991		CV Nghiệp vụ		x		Học ĐH bằng tiếng nước ngoài
1356	287	Lưu Lê Anh	Tuấn	04/10/1995		CV Nghiệp vụ				
1357	288	Đinh Nhật	Tuấn	29/11/1988		CV Nghiệp vụ		x		Học Thạc sĩ bằng tiếng nước ngoài
1358	289	Phạm Đức	Tùng	12/11/1995		CV Nghiệp vụ				
1359	290	Kiều Sơn	Tùng	27/12/1990		CV Nghiệp vụ				
1360	291	Lê Văn	Tùng	09/03/1992		CV Nghiệp vụ				
1361	292	Trần Minh	Tùng	10/10/1993		CV Nghiệp vụ				

SBD	TT	Họ và tên		Ngày sinh		Vị trí dự tuyển	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
				Nam	Nữ		Tin	Anh		
1362	293	Vũ Xuân	Thái	29/09/1993		CV Nghiệp vụ		x		Học ĐH bằng tiếng nước ngoài
1363	294	Lê Tiến	Thanh	26/07/1993		CV Nghiệp vụ		x		Học ĐH bằng tiếng nước ngoài
1364	295	Nguyễn Thị Lan	Thanh		26/05/1985	CV Nghiệp vụ				
1365	296	Nguyễn Thanh	Thanh		24/5/1992	CV Nghiệp vụ		x		Cử nhân ngoại ngữ
1366	297	Nguyễn Văn	Thành	28/2/1986		CV Nghiệp vụ				
1367	298	Hoàng Nam	Thành	14/12/1992		CV Nghiệp vụ				
1368	299	Đặng Tiến	Thành	18/01/1994		CV Nghiệp vụ		x		Học ĐH bằng tiếng nước ngoài
1369	300	Nguyễn Văn	Thành	16/7/1983		CV Nghiệp vụ		x	x	Con TB, Học Thạc sĩ bằng tiếng nước ngoài
1370	301	Lê Thị	Thảo		23/11/1995	CV Nghiệp vụ				
1371	302	Đặng Thị	Thảo		10/09/1987	CV Nghiệp vụ		x		Cử nhân ngoại ngữ
1372	303	Đỗ Phương	Thảo		25/8/1995	CV Nghiệp vụ				
1373	304	Phạm Thị Phương	Thảo		09/02/1990	CV Nghiệp vụ				
1374	305	Lê Thị Thu	Thảo		22/6/1994	CV Nghiệp vụ				
1375	306	Trần Phương	Thảo		08/03/1991	CV Nghiệp vụ				
1376	307	Đặng Phương	Thảo		15/6/1991	CV Nghiệp vụ		x		Học ĐH bằng tiếng nước ngoài
1377	308	Nguyễn Thu	Thảo		06/09/1993	CV Nghiệp vụ		x		Học ĐH bằng tiếng nước ngoài
1378	309	Nguyễn Thị Phương	Thảo		28/11/1988	CV Nghiệp vụ		x		Học ĐH bằng tiếng nước ngoài
1379	310	Dương Phương	Thảo		08/09/1993	CV Nghiệp vụ				
1380	311	Lê Hồng	Thắm		13/11/1993	CV Nghiệp vụ				
1381	312	Nguyễn Thị	Thắm		10/03/1989	CV Nghiệp vụ				
1382	313	Phạm Việt	Thắng	05/02/1995		CV Nghiệp vụ				
1383	314	Trần Thị Kim	Thêu		01/02/1993	CV Nghiệp vụ				
1384	315	Phạm Đức	Thịnh	03/05/1995		CV Nghiệp vụ				
1385	316	Nguyễn Viết	Thịnh	12/09/1984		CV Nghiệp vụ		x		Cử nhân ngoại ngữ
1386	317	Nguyễn Sơn	Thọ	17/5/1994		CV Nghiệp vụ		x		Học ĐH bằng tiếng nước ngoài
1387	318	Lương Hoàng	Thọ	11/03/1990		CV Nghiệp vụ			x	Dân tộc Cao Lan

SBD	TT	Họ và tên	Ngày sinh		Vị trí dự tuyển	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ		Tin	Anh		
1388	319	Nguyễn Thị Thu		28/7/1995	CV Nghiệp vụ				
1389	320	Đặng Thị Hà Thu		09/04/1989	CV Nghiệp vụ				
1390	321	Bùi Thị Minh Thu		01/07/1992	CV Nghiệp vụ				
1391	322	Trần Thị Minh Thu		04/11/1991	CV Nghiệp vụ				
1392	323	Hoàng Thị Minh Thu		22/12/1985	CV Nghiệp vụ				
1393	324	Phạm Ninh Thuận		19/9/1992	CV Nghiệp vụ				
1394	325	Vương Thị Thanh Thủy		27/5/1990	CV Nghiệp vụ				
1395	326	Trần Thị Thu Thủy		18/6/1990	CV Nghiệp vụ			x	Con TB
1396	327	Lê Thị Thanh Thủy		10/04/1993	CV Nghiệp vụ				
1397	328	Nguyễn Thị Thanh Thủy		30/12/1993	CV Nghiệp vụ				
1398	329	Hoàng Phương Thúy		08/10/1990	CV Nghiệp vụ				
1399	330	Đỗ Thị Phương Thúy		24/11/1988	CV Nghiệp vụ				
1400	331	Nguyễn Kim Thúy		21/02/1993	CV Nghiệp vụ				
1401	332	Phạm Ngọc Thúy		05/05/1993	CV Nghiệp vụ				
1402	333	Nguyễn Thị Phương Thúy		15/6/1993	CV Nghiệp vụ				
1403	334	Bùi Thị Ngọc Thúy		31/7/1990	CV Nghiệp vụ				
1404	335	Mai Anh Thư		20/9/1984	CV Nghiệp vụ				
1405	336	Phạm Hoài Thương		27/12/1995	CV Nghiệp vụ				
1406	337	Phạm Thị Thương		07/01/1989	CV Nghiệp vụ				
1407	338	Nguyễn Thị Thanh Trà		02/12/1992	CV Nghiệp vụ				
1408	339	Vũ Hương Trà		18/9/1993	CV Nghiệp vụ				
1409	340	Thái Thị Thu Trang		15/09/1994	CV Nghiệp vụ				
1410	341	Cao Thị Huyền Trang		15/09/1992	CV Nghiệp vụ				
1411	342	Đặng Thị Huyền Trang		17/03/1992	CV Nghiệp vụ				
1412	343	Nguyễn Huyền Trang		21/09/1993	CV Nghiệp vụ				
1413	344	Hoàng Thị Trang		25/4/1990	CV Nghiệp vụ				

SBD	TT	Họ và tên		Ngày sinh		Vị trí dự tuyển	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
				Nam	Nữ		Tin	Anh		
1414	345	Đinh Thị Thu	Trang		20/4/1993	CV Nghiệp vụ				
1415	346	Đào Thị Huyền	Trang		12/06/1992	CV Nghiệp vụ		x		Học Thạc sĩ bằng tiếng nước ngoài
1416	347	Phan Thị Huyền	Trang		27/11/1995	CV Nghiệp vụ				
1417	348	Mai Thu	Trang		22/5/1992	CV Nghiệp vụ		x		Học ĐH bằng tiếng nước ngoài
1418	349	Trần Thị Huyền	Trang		03/10/1988	CV Nghiệp vụ				
1419	350	Phan Hà	Trang		20/11/1994	CV Nghiệp vụ		x		Cử nhân ngoại ngữ
1420	351	Phạm Quỳnh	Trang		25/10/1987	CV Nghiệp vụ				
1421	352	Nguyễn Thùy	Trang		03/09/1994	CV Nghiệp vụ	x	x		Trung cấp Tin học, Học ĐH bằng tiếng nước ngoài
1422	353	Hà Ngọc	Trang		12/05/1992	CV Nghiệp vụ				
1423	354	Nguyễn Thị Ngọc	Trang		18/5/1993	CV Nghiệp vụ				
1424	355	Vũ Huyền	Trang		15/10/1994	CV Nghiệp vụ				
1425	356	Nguyễn Thị Minh	Trang		01/06/1990	CV Nghiệp vụ		x		Học ĐH bằng tiếng nước ngoài
1426	357	Nguyễn Huyền	Trang		14/7/1990	CV Nghiệp vụ				
1427	358	Lê Huyền	Trang		12/08/1994	CV Nghiệp vụ		x		Học ĐH bằng tiếng nước ngoài
1428	359	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang		13/5/1989	CV Nghiệp vụ				
1429	360	Hoàng Thu	Trang		22/8/1991	CV Nghiệp vụ				
1430	361	Phạm Đoàn	Trang		29/05/1990	CV Nghiệp vụ				
1431	362	Nguyễn Thị Thu	Trang		06/04/1994	CV Nghiệp vụ				
1432	363	Dương Thị Thu	Trang		10/02/1993	CV Nghiệp vụ		x		Cử nhân ngoại ngữ
1433	364	Võ Thùy	Trang		05/02/1995	CV Nghiệp vụ				
1434	365	Nguyễn Công	Tráng	28/7/1995		CV Nghiệp vụ				
1435	366	Nguyễn Ngọc	Trâm		13/6/1994	CV Nghiệp vụ				
1436	367	Phạm An Kiên	Trung	19/10/1994		CV Nghiệp vụ				
1437	368	Phạm Thành	Trung	27/9/1993		CV Nghiệp vụ				
1438	369	Đỗ Thị Thanh	Uyên		01/09/1992	CV Nghiệp vụ				
1439	370	Trần Thị	Vân		31/12/1991	CV Nghiệp vụ				

SBD	TT	Họ và tên		Ngày sinh		Vị trí dự tuyển	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
				Nam	Nữ		Tin	Anh		
1440	371	Lê Thị Hồng	Vân		20/11/1989	CV Nghiệp vụ				
1441	372	Nguyễn Thị Bích	Vân		18/1/1991	CV Nghiệp vụ				
1442	373	Lê Thị Hồng	Vân		16/5/1993	CV Nghiệp vụ			x	Dân tộc Tày
1443	374	Nguyễn Lê Hoàng	Việt	22/07/1995		CV Nghiệp vụ		x		Học ĐH bằng tiếng nước ngoài
1444	375	Vũ Minh	Việt	24/8/1991		CV Nghiệp vụ				
1445	376	Phan Hoàng	Vũ	27/09/1992		CV Nghiệp vụ		x		Học Thạc sĩ bằng tiếng nước ngoài
1446	377	Hoàng Quốc	Vũ	31/7/1992		CV Nghiệp vụ				
1447	378	Đinh Thị Huyền	Vy		24/5/1993	CV Nghiệp vụ		x		Học ĐH bằng tiếng nước ngoài
1448	379	Vũ Thị Hải	Yến		31/07/1990	CV Nghiệp vụ				
1449	380	Lê Hải	Yến		04/06/1993	CV Nghiệp vụ			x	Dân tộc Tày
1450	381	Trần Hải	Yến		24/9/1990	CV Nghiệp vụ				
1451	382	Nguyễn Thị Hải	Yến		03/07/1994	CV Nghiệp vụ				
1452	383	Nguyễn Ngọc	Yến		15/4/1985	CV Nghiệp vụ				
1453	384	Phùng Bạch	Yến		29/5/1994	CV Nghiệp vụ			x	Con TB
1454	1	Nguyễn Thị Hồng	Anh		04/05/1987	CV Kế toán-Kiểm toán				
1455	2	Nguyễn Tuấn	Anh	17/10/1995		CV Kế toán-Kiểm toán				
1456	3	Ngô Thị Trung	Anh		17/09/1994	CV Kế toán-Kiểm toán		x		Học ĐH bằng tiếng nước ngoài
1457	4	Bùi Lan	Anh		08/12/1991	CV Kế toán-Kiểm toán		x		Học ĐH, Thạc sĩ bằng tiếng nước ngoài
1458	5	Lê Duy	Anh	29/7/1992		CV Kế toán-Kiểm toán				
1459	6	Phạm Thế	Anh	05/06/1995		CV Kế toán-Kiểm toán				
1460	7	Nguyễn Thị Vân	Anh		02/11/1992	CV Kế toán-Kiểm toán				
1461	8	Nguyễn Thị Vân	Anh		16/02/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				
1462	9	Nguyễn Thị Bảo	Anh		23/10/1991	CV Kế toán-Kiểm toán				
1463	10	Nguyễn Hồng Ngọc	Anh		17/11/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				
1464	11	Phạm Thị Ngọc	Anh		17/9/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				
1465	12	Mai Thị Vân	Anh		10/09/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				

SBD	TT	Họ và tên	Ngày sinh		Vị trí dự tuyển	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ		Tin	Anh		
1466	13	Mai Văn Anh		15/5/1993	CV Kế toán-Kiểm toán				
1467	14	Nguyễn Thị Ngọc Bích		18/10/1991	CV Kế toán-Kiểm toán				
1468	15	Trần Thu Bình		23/9/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				
1469	16	Vũ Thị Nguyên Bình		22/3/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				
1470	17	Nguyễn Thị Hà Chi		08/08/1990	CV Kế toán-Kiểm toán			x	Con TB
1471	18	Nguyễn Thị Ngọc Diệp		13/11/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				
1472	19	Tạ Thị Kim Dung		27/09/1984	CV Kế toán-Kiểm toán		x		Cử nhân ngoại ngữ, Tiến sĩ kinh tế
1473	20	Bùi Anh Dũng	28/3/1995		CV Kế toán-Kiểm toán				
1474	21	Đỗ Thùy Dương		19/11/1992	CV Kế toán-Kiểm toán				
1475	22	Đặng Hoàng Dương	09/09/1995		CV Kế toán-Kiểm toán				
1476	23	Nguyễn Quốc Đạt	14/7/1994		CV Kế toán-Kiểm toán				
1477	24	Nguyễn Tiến Định	25/06/1991		CV Kế toán-Kiểm toán				
1478	25	Lê Phú Minh Đức	29/3/1989		CV Kế toán-Kiểm toán			x	Con TB
1479	26	Phạm Thị An Giang		27/06/1994	CV Kế toán-Kiểm toán				
1480	27	Ngô Thị Hương Giang		01/12/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				
1481	28	Tô Bảo Hoàng Giang		21/10/1988	CV Kế toán-Kiểm toán				
1482	29	Nguyễn Hương Giang		07/10/1991	CV Kế toán-Kiểm toán		x		Học ĐH bằng tiếng nước ngoài
1483	30	Trần Thị Hà		11/04/1991	CV Kế toán-Kiểm toán				
1484	31	Trương Thị Tuyết Hà		11/11/1991	CV Kế toán-Kiểm toán				
1485	32	Bùi Ngọc Hà		07/05/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				
1486	33	Phạm Thị Thu Hà		29/6/1991	CV Kế toán-Kiểm toán				
1487	34	Ngô Thị Thu Hà		16/10/1994	CV Kế toán-Kiểm toán			x	Dân tộc Tày
1488	35	Nguyễn Thu Hà		03/10/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				
1489	36	Đỗ Thị Thu Hà		03/11/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				
1490	37	Trần Thị Hào		10/02/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				
1491	38	Nguyễn Thúy Hằng		30/10/1988	CV Kế toán-Kiểm toán				

SBD	TT	Họ và tên		Ngày sinh		Vị trí dự tuyển	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
				Nam	Nữ		Tin	Anh		
1492	39	Phan Thị Thu	Hằng		30/07/1984	CV Kế toán-Kiểm toán				
1493	40	Vũ Thị Thúy	Hằng		14/3/1993	CV Kế toán-Kiểm toán				
1494	41	Nguyễn Thị Thu	Hằng		22/3/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				
1495	42	Lê Thị	Hằng		28/3/1992	CV Kế toán-Kiểm toán				
1496	43	Trần Lê Thu	Hiền		15/8/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				
1497	44	Lương Thanh	Hiền		11/11/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				
1498	45	Kiều	Hoa		02/01/1994	CV Kế toán-Kiểm toán				
1499	46	Lê Phương	Hoa		20/7/1993	CV Kế toán-Kiểm toán				
1500	47	Vũ Thị Việt	Hoàn		08/03/1987	CV Kế toán-Kiểm toán			x	Con BB
1501	48	Phùng Quốc	Hoàng	03/03/1991		CV Kế toán-Kiểm toán		x		Học ĐH bằng tiếng nước ngoài
1502	49	Nguyễn Thị Minh	Huệ		11/10/1990	CV Kế toán-Kiểm toán		x	x	Cử nhân ngoại ngữ; Con Người hưởng chính sách như TB
1503	50	Trương Đức	Huy	23/3/1995		CV Kế toán-Kiểm toán				
1504	51	Phùng Thị Thanh	Huyền		17/04/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				
1505	52	Nguyễn Thị Thanh	Huyền		05/03/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				
1506	53	Nguyễn Thanh	Huyền		16/8/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				
1507	54	Trần Thị Thanh	Huyền		25/9/1991	CV Kế toán-Kiểm toán		x		Học ĐH bằng tiếng nước ngoài
1508	55	Trần Thanh Thanh	Huyền		25/4/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				
1509	56	Nguyễn Thị Thu	Huyền		26/1/1989	CV Kế toán-Kiểm toán				
1510	57	Nguyễn Thu	Huyền		26/6/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				
1511	58	Phạm Thanh	Hương		04/01/1993	CV Kế toán-Kiểm toán				
1512	59	Nguyễn Thị Anh	Hương		23/10/1980	CV Kế toán-Kiểm toán				
1513	60	Phạm Thị	Hương		23/8/1988	CV Kế toán-Kiểm toán				
1514	61	Phạm Duy	Khánh	26/9/1991		CV Kế toán-Kiểm toán				
1515	62	Nguyễn Thị Cẩm	Lài		17/10/1988	CV Kế toán-Kiểm toán				
1516	63	Nguyễn Thị	Lam		11/11/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				
1517	64	Trần Hương	Lan		10/11/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				

SBD	TT	Họ và tên	Ngày sinh		Vị trí dự tuyển	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ		Tin	Anh		
1518	65	Vũ Thị Hoàng Lan		20/11/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				
1519	66	Đỗ Thùy Linh		03/01/1993	CV Kế toán-Kiểm toán				
1520	67	Nguyễn Thị Thảo Linh		20/8/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				
1521	68	Nguyễn Thị Diệu Linh		27/4/1986	CV Kế toán-Kiểm toán				
1522	69	Nguyễn Thị Thùy Linh		25/9/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				
1523	70	Nguyễn Diệu Linh		10/02/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				
1524	71	Tạ Thùy Linh		14/11/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				
1525	72	Nguyễn Thị Diệu Linh		19/8/1994	CV Kế toán-Kiểm toán				
1526	73	Lê Hồng Long	25/1/1992		CV Kế toán-Kiểm toán				
1527	74	Nguyễn Thị Ngọc Mai		10/10/1988	CV Kế toán-Kiểm toán				
1528	75	Trần Thị Ngọc Mai		06/07/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				
1529	76	Phạm Thị Mai		10/12/1990	CV Kế toán-Kiểm toán		x		Cử nhân ngoại ngữ
1530	77	Trần Ngọc Mai		05/08/1994	CV Kế toán-Kiểm toán				
1531	78	Nguyễn Nhật Minh		09/11/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				
1532	79	Lê Thị Nga		14/3/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				
1533	80	Đỗ Thị Hoài Ngân		17/09/1993	CV Kế toán-Kiểm toán				
1534	81	Nguyễn Thị Kim Ngân		17/10/1990	CV Kế toán-Kiểm toán				
1535	82	Lê Thúy Ngân		15/05/1989	CV Kế toán-Kiểm toán			x	Con TB
1536	83	Trần Thị Thanh Ngọc		12/05/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				
1537	84	Lê Phương Ngọc		10/05/1989	CV Kế toán-Kiểm toán				
1538	85	Bùi Minh Ngọc		29/6/1992	CV Kế toán-Kiểm toán				
1539	86	Phan Diệu Ngọc		25/12/1994	CV Kế toán-Kiểm toán				
1540	87	Hoàng Bích Ngọc		22/09/1990	CV Kế toán-Kiểm toán				
1541	88	Trần Thị Thanh Nhài		24/4/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				
1542	89	Nguyễn Hồng Nhung		24/5/1994	CV Kế toán-Kiểm toán				
1543	90	Phạm Thị Hồng Nhung		08/04/1990	CV Kế toán-Kiểm toán				

SBD	TT	Họ và tên		Ngày sinh		Vị trí dự tuyển	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
				Nam	Nữ		Tin	Anh		
1544	91	Nguyễn Huyền	Phuong		30/07/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				
1545	92	Hồ Việt	Phuong	24/04/1995		CV Kế toán-Kiểm toán				
1546	93	Lê Minh	Phuong		24/10/1993	CV Kế toán-Kiểm toán				
1547	94	Lê Thị Minh	Phuong		27/11/1990	CV Kế toán-Kiểm toán			x	Con TB
1548	95	Nguyễn Thiên	Quang	28/10/1994		CV Kế toán-Kiểm toán				
1549	96	Ngô Phú	Son	24/6/1993		CV Kế toán-Kiểm toán		x		Học ĐH bằng tiếng nước ngoài
1550	97	Phạm Thị	Tinh		07/02/1993	CV Kế toán-Kiểm toán				
1551	98	Trương Ngọc	Tú	01/12/1995		CV Kế toán-Kiểm toán			x	Con TB
1552	99	Vũ Thị	Thanh		23/9/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				
1553	100	Cao Thị Phuong	Thảo		22/10/1992	CV Kế toán-Kiểm toán				
1554	101	Hà Phuong	Thảo		23/7/1993	CV Kế toán-Kiểm toán		x	x	Học ĐH bằng tiếng nước ngoài; con TB
1555	102	Trần Hồng	Thắm		22/10/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				
1556	103	Nguyễn Thị	Thỏa		29/11/1993	CV Kế toán-Kiểm toán				
1557	104	Trần Nguyệt	Thu		08/10/1995	CV Kế toán-Kiểm toán		x		Học ĐH bằng tiếng nước ngoài
1558	105	Nguyễn Thị Hoài	Thu		02/11/1993	CV Kế toán-Kiểm toán				
1559	106	Phạm Hoài	Thu		14/9/1993	CV Kế toán-Kiểm toán				
1560	107	Lê Thị Bích	Thùy		17/12/1994	CV Kế toán-Kiểm toán				
1561	108	Tô Thị	Thúy		02/12/1995	CV Kế toán-Kiểm toán			x	Con TB
1562	109	Nguyễn Mai	Thúy		29/4/1994	CV Kế toán-Kiểm toán		x		Học ĐH bằng tiếng nước ngoài
1563	110	Lưu Minh	Thúy		30/11/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				
1564	111	Lê Hà	Trang		05/04/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				
1565	112	Mai Thùy	Trang		31/12/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				
1566	113	Nguyễn Thị Thùy	Trang		07/05/1991	CV Kế toán-Kiểm toán				
1567	114	Nguyễn Văn	Trang		26/3/1995	CV Kế toán-Kiểm toán			x	Dân tộc Nùng
1568	115	Nguyễn Thị Thiên	Trang		25/11/1994	CV Kế toán-Kiểm toán				
1569	116	Nguyễn Thị Thu	Trang		14/11/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				

SBD	TT	Họ và tên		Ngày sinh		Vị trí dự tuyển	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
				Nam	Nữ		Tin	Anh		
1570	117	Nguyễn Thị Thu	Trang		24/12/1989	CV Kế toán-Kiểm toán			x	Con TB
1571	118	Phạm Thu	Trang		01/03/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				
1572	119	Cao Quỳnh	Trang		18/9/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				
1573	120	Đặng Quỳnh	Trang		05/03/1991	CV Kế toán-Kiểm toán				
1574	121	Nguyễn Thị Tuyết	Trinh		13/2/1994	CV Kế toán-Kiểm toán				
1575	122	Nguyễn Đức	Trọng	23/2/1991		CV Kế toán-Kiểm toán			x	Dân tộc Tày
1576	123	Bùi Đức	Trung	25/11/1995		CV Kế toán-Kiểm toán				
1577	124	Đặng Xuân	Trường	03/02/1993		CV Kế toán-Kiểm toán				
1578	125	Trịnh Đạt	Trường	26/3/1995		CV Kế toán-Kiểm toán				
1579	126	Lê Thùy	Vân		04/04/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				
1580	127	Nguyễn Thị Cẩm	Vân		16/10/1990	CV Kế toán-Kiểm toán				
1581	128	Lê Thị	Vinh		04/05/1986	CV Kế toán-Kiểm toán				
1582	129	Đinh Thị Hải	Yến		30/04/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				
1583	1	Phạm Thị Vân	Anh		30/12/1986	CV Kinh tế quốc tế		x		Học Thạc sĩ bằng tiếng nước ngoài
1584	2	Trần Diệu	Chi		26/10/1993	CV Kinh tế quốc tế		x		Học ĐH bằng tiếng nước ngoài
1585	3	Trần Anh	Chiến	04/03/1991		CV Kinh tế quốc tế				
1586	4	Đoàn Quang	Dũng	22/01/1992		CV Kinh tế quốc tế				
1587	5	Đào Chí	Dũng	06/09/1995		CV Kinh tế quốc tế		x		Học ĐH bằng tiếng nước ngoài
1588	6	Phạm Văn	Hà	31/10/1990		CV Kinh tế quốc tế				
1589	7	Vũ Huy	Hải	29/10/1994		CV Kinh tế quốc tế				
1590	8	Vũ Thảo	Hạnh		09/11/1995	CV Kinh tế quốc tế		x		Học ĐH bằng tiếng nước ngoài
1591	9	Phan Thị Thúy	Hằng		09/05/1989	CV Kinh tế quốc tế				
1592	10	Trương Xuân	Hiếu	21/1/1992		CV Kinh tế quốc tế				
1593	11	Nguyễn Thị Thanh	Hòa		02/05/1993	CV Kinh tế quốc tế				
1594	12	Lê Quốc	Hùng	12/04/1991		CV Kinh tế quốc tế		x		Học Thạc sĩ bằng tiếng nước ngoài
1595	13	Lê Thị Thanh	Huyền		10/12/1992	CV Kinh tế quốc tế		x		Học ĐH bằng tiếng nước ngoài

SBD	TT	Họ và tên		Ngày sinh		Vị trí dự tuyển	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
				Nam	Nữ		Tin	Anh		
1596	14	Đinh Thị Thanh	Huyền		16/8/1987	CV Kinh tế quốc tế		x		Học Thạc sĩ bằng tiếng nước ngoài
1597	15	Đinh Thị Thu	Hương		05/04/1993	CV Kinh tế quốc tế		x		Học Thạc sĩ bằng tiếng nước ngoài
1598	16	Đặng Minh	Hương		20/9/1990	CV Kinh tế quốc tế				
1599	17	Trịnh Thu	Hương		29/5/1994	CV Kinh tế quốc tế				
1600	18	Hoàng Quý	Lê		03/12/1988	CV Kinh tế quốc tế				
1601	19	Cung Thị Diệu	Linh		09/10/1994	CV Kinh tế quốc tế				
1602	20	Lê Hoàng	Long	06/12/1993		CV Kinh tế quốc tế		x		Học Thạc sĩ bằng tiếng nước ngoài
1603	21	Vũ Phương	Mai		07/02/1994	CV Kinh tế quốc tế		x		Học ĐH bằng tiếng nước ngoài
1604	22	Lê Thị Ngọc	Mai		11/10/1989	CV Kinh tế quốc tế		x		Học Thạc sĩ bằng tiếng nước ngoài
1605	23	Nguyễn Thị Nhật	Minh		27/03/1995	CV Kinh tế quốc tế				
1606	24	Trịnh Nhật	Minh	13/9/1993		CV Kinh tế quốc tế				
1607	25	Vũ Thị	Ninh		06/10/1993	CV Kinh tế quốc tế		x		Học ĐH bằng tiếng nước ngoài
1608	26	Nguyễn Minh	Nguyệt		25/12/1992	CV Kinh tế quốc tế				
1609	27	Lê Hồng	Nhung		20/05/1990	CV Kinh tế quốc tế				
1610	28	Trần Quang	Phú	23/05/1989		CV Kinh tế quốc tế				
1611	29	Hoàng Thị Thu	Phương		06/08/1991	CV Kinh tế quốc tế				
1612	30	Phạm Vũ Quỳnh	Phương		12/06/1992	CV Kinh tế quốc tế				
1613	31	Nguyễn Kim	Phượng		14/4/1992	CV Kinh tế quốc tế			x	Con TB
1614	32	Lê Thu	Quỳnh		18/08/1989	CV Kinh tế quốc tế				
1615	33	Lê Thúy	Quỳnh		27/12/1987	CV Kinh tế quốc tế		x		Học Thạc sĩ bằng tiếng nước ngoài
1616	34	Ninh Thị Thanh	Tâm		22/12/1994	CV Kinh tế quốc tế				
1617	35	Nguyễn Duy	Tiến	14/01/1995		CV Kinh tế quốc tế				
1618	36	Lê Anh	Tú	07/06/1992		CV Kinh tế quốc tế				
1619	37	Phạm Hoàng	Tùng	08/10/1994		CV Kinh tế quốc tế				
1620	38	Phan Đình	Thị	07/09/1993		CV Kinh tế quốc tế				
1621	39	Đỗ Thị Nhân	Thiên		21/8/1990	CV Kinh tế quốc tế				

SBD	TT	Họ và tên		Ngày sinh		Vị trí dự tuyển	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
				Nam	Nữ		Tin	Anh		
1622	40	Lê Thị Thanh	Thùy		25/1/1991	CV Kinh tế quốc tế		x		Học Thạc sĩ bằng tiếng nước ngoài
1623	41	Nguyễn Thị Hoa	Thương		01/02/1994	CV Kinh tế quốc tế			x	Dân tộc Nùng
1624	42	Phạm Quỳnh	Trang		12/10/1995	CV Kinh tế quốc tế				
1625	43	Đinh Thị Ngọc	Trâm		24/1/1991	CV Kinh tế quốc tế		x		Học ĐH bằng tiếng nước ngoài
1626	44	Bùi Ngọc	Trâm		01/02/1992	CV Kinh tế quốc tế				
1627	45	Từ Đức	Trung	11/09/1992		CV Kinh tế quốc tế				
1628	1	Đào Trần Thùy	An		01/07/1993	CV Pháp chế ngân hàng				
1629	2	Phạm Tuấn	Anh	19/06/1993		CV Pháp chế ngân hàng				
1630	3	Bùi Thị Thùy	Anh		13/09/1992	CV Pháp chế ngân hàng				
1631	4	Lê Thị Hoàng	Anh		27/5/1995	CV Pháp chế ngân hàng				
1632	5	Hoàng Hồng	Anh		05/12/1995	CV Pháp chế ngân hàng				
1633	6	Nguyễn Thanh	Bình		27/11/1993	CV Pháp chế ngân hàng				
1634	7	Hồ Thanh	Bình		21/05/1995	CV Pháp chế ngân hàng				
1635	8	Nguyễn Đức	Bình	09/07/1994		CV Pháp chế ngân hàng				
1636	9	Nguyễn Đức	Bình	12/04/1991		CV Pháp chế ngân hàng				
1637	10	Bùi Hoàng Linh	Chi		25/7/1995	CV Pháp chế ngân hàng				
1638	11	Phạm Thị	Din		16/10/1995	CV Pháp chế ngân hàng				
1639	12	Nguyễn Thị Kim	Dung		25/03/1995	CV Pháp chế ngân hàng				
1640	13	Vũ Thị	Dung		25/06/1989	CV Pháp chế ngân hàng				
1641	14	Nguyễn Thùy	Dung		12/04/1995	CV Pháp chế ngân hàng				
1642	15	Lương Khánh	Dung		03/05/1988	CV Pháp chế ngân hàng				
1643	16	Vũ Thị Mỹ	Duyên		27/4/1994	CV Pháp chế ngân hàng			x	Dân tộc Dao
1644	17	Vũ Hải	Duyên		13/8/1994	CV Pháp chế ngân hàng				
1645	18	Phan Khánh	Dương	01/02/1995		CV Pháp chế ngân hàng				
1646	19	Vũ Thùy	Dương		12/08/1993	CV Pháp chế ngân hàng			x	Dân tộc Cao Lan
1647	20	Trần Thùy	Dương		06/12/1995	CV Pháp chế ngân hàng				

SBD	TT	Họ và tên		Ngày sinh		Vị trí dự-tuyển	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
				Nam	Nữ		Tin	Anh		
1648	21	Nguyễn Xuân	Đang	13/12/1983		CV Pháp chế ngân hàng				
1649	22	Ngô Hương	Giang		24/09/1994	CV Pháp chế ngân hàng				
1650	23	Nguyễn Trường	Giang	24/04/1984		CV Pháp chế ngân hàng				
1651	24	Vũ Hoài	Giang		28/5/1992	CV Pháp chế ngân hàng				
1652	25	Trương Thị Thu	Hà		21/11/1995	CV Pháp chế ngân hàng				
1653	26	Nguyễn Thị Hải	Hà		02/12/1993	CV Pháp chế ngân hàng				
1654	27	Nguyễn Đức	Hải	18/7/1995		CV Pháp chế ngân hàng				
1655	28	Trần Thị Thanh	Hải		06/01/1994	CV Pháp chế ngân hàng				
1656	29	Phạm Thanh	Hải	22/9/1995		CV Pháp chế ngân hàng				
1657	30	Nguyễn Hồng	Hạnh		02/06/1989	CV Pháp chế ngân hàng				
1658	31	Phạm Trung	Hiếu	23/1/1994		CV Pháp chế ngân hàng				
1659	32	Trịnh Thị Minh	Hồng		08/11/1984	CV Pháp chế ngân hàng				
1660	33	Trần Lê Diệu	Hồng		14/11/1991	CV Pháp chế ngân hàng		x		Học Thạc sĩ bằng tiếng nước ngoài
1661	34	Bùi Xuân	Hùng	05/12/1994		CV Pháp chế ngân hàng				
1662	35	Đinh Thị Thu	Huyền		02/11/1995	CV Pháp chế ngân hàng				
1663	36	Nguyễn Thị Thu	Huyền		26/01/1994	CV Pháp chế ngân hàng		x		Cử nhân ngoại ngữ
1664	37	Vũ Thị Thanh	Hương		28/01/1990	CV Pháp chế ngân hàng				
1665	38	Lê Thị Liên	Hương		26/10/1985	CV Pháp chế ngân hàng				
1666	39	Nguyễn Thị Lan	Hương		24/02/1995	CV-Pháp chế ngân hàng				
1667	40	Bế Thị	Hương		28/12/1994	CV Pháp chế ngân hàng			x	Dân tộc Nùng
1668	41	Nguyễn Giáng	Hương		12/03/1994	CV Pháp chế ngân hàng				
1669	42	Lý Thị Phương	Lan		05/11/1994	CV Pháp chế ngân hàng			x	Dân tộc Tày
1670	43	Trần Nhật	Lê		28/8/1995	CV Pháp chế ngân hàng				
1671	44	Đàm Nhật	Lệ		01/08/1995	CV Pháp chế ngân hàng			x	Dân tộc Tày
1672	45	Diệp Thị	Liên		02/08/1994	CV Pháp chế ngân hàng			x	Dân tộc Sán diu
1673	46	Phạm Thị Thảo	Linh		26/10/1994	CV Pháp chế ngân hàng				

SBD	TT	Họ và tên		Ngày sinh		Vị trí dự tuyển	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
				Nam	Nữ		Tin	Anh		
1674	47	Đỗ Hoàng Mỹ	Linh		12/12/1993	CV Pháp chế ngân hàng				
1675	48	Vương Thùy	Linh		29/10/1995	CV Pháp chế ngân hàng				
1676	49	Trương Thị Mỹ	Linh		08/02/1995	CV Pháp chế ngân hàng			x	Dân tộc Tày
1677	50	Hoàng Đỗ Khánh	Linh		10/06/1994	CV Pháp chế ngân hàng				
1678	51	Đàm Thị Thu	Linh		02/01/1986	CV Pháp chế ngân hàng			x	Dân tộc Nùng
1679	52	Nguyễn Thùy	Linh		12/06/1995	CV Pháp chế ngân hàng				
1680	53	Nguyễn Thị Tùng	Linh		12/11/1994	CV Pháp chế ngân hàng				
1681	54	Đỗ Diệu	Linh		04/09/1995	CV Pháp chế ngân hàng				
1682	55	Trương Hải	Linh		23/12/1995	CV Pháp chế ngân hàng				
1683	56	Chu Thị Ngọc	Linh		13/11/1995	CV Pháp chế ngân hàng				
1684	57	Nguyễn Trần Diệu	Linh		09/06/1994	CV Pháp chế ngân hàng			x	Dân tộc Sán Chay
1685	58	Trần	Long	06/02/1991		CV Pháp chế ngân hàng				
1686	59	Trần Thành	Long	19/1/1993		CV Pháp chế ngân hàng		x		Học Thạc sĩ bằng tiếng nước ngoài
1687	60	Nguyễn Thị Thảo	Ly		13/12/1995	CV Pháp chế ngân hàng				
1688	61	Nguyễn Huyền	Ly		22/9/1993	CV Pháp chế ngân hàng				
1689	62	Nguyễn Thị Hải	Lý		18/03/1983	CV Pháp chế ngân hàng	x			Trung cấp Tin học
1690	63	Nguyễn Ngọc	Mai		19/01/1994	CV Pháp chế ngân hàng				
1691	64	Nguyễn Thị	Mận		24/12/1991	CV Pháp chế ngân hàng				
1692	65	Trần Thị Nhật	Minh		15/11/1994	CV Pháp chế ngân hàng				
1693	66	Nguyễn Thị	Mơ		27/09/1995	CV Pháp chế ngân hàng				
1694	67	Đào Hải	Nam	14/9/1995		CV Pháp chế ngân hàng				
1695	68	Nguyễn Thanh	Nga		03/02/1990	CV Pháp chế ngân hàng				
1696	69	Trần Anh	Ngọc		10/01/1994	CV Pháp chế ngân hàng				
1697	70	Nguyễn Thị	Nhân		20/10/1991	CV Pháp chế ngân hàng		x		Cử nhân ngoại ngữ
1698	71	Nguyễn Thị Hồng	Nhung		20/04/1995	CV Pháp chế ngân hàng				
1699	72	Nguyễn Thị Hồng	Phúc		18/6/1991	CV Pháp chế ngân hàng			x	Con TB

SBD	TT	Họ và tên		Ngày sinh		Vị trí dự tuyển	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
				Nam	Nữ		Tin	Anh		
1700	73	Nguyễn Mai	Phuong		31/8/1994	CV Pháp chế ngân hàng				
1701	74	Lê Thị Liễu	Phuong		01/08/1991	CV Pháp chế ngân hàng				
1702	75	Phạm Thị	Tuyết		28/02/1995	CV Pháp chế ngân hàng				
1703	76	Tạ Ngọc	Thạch	01/12/1994		CV Pháp chế ngân hàng				
1704	77	Nguyễn Thị	Thảo		26/12/1992	CV Pháp chế ngân hàng				
1705	78	Bùi Đặng	Thảo	02/08/1992		CV Pháp chế ngân hàng		x		Học ĐH bằng tiếng nước ngoài
1706	79	Thái Huy	Thắng	20/6/1992		CV Pháp chế ngân hàng				
1707	80	Hà Dương	Thắm		22/1/1995	CV Pháp chế ngân hàng			x	Dân tộc Tày
1708	81	Đỗ Hoài	Thu		09/04/1995	CV Pháp chế ngân hàng				
1709	82	Đỗ Thị Minh	Thu		01/04/1995	CV Pháp chế ngân hàng				
1710	83	Lê Thị	Thuận		05/10/1993	CV Pháp chế ngân hàng				
1711	84	Nguyễn Phương	Thùy		22/5/1995	CV Pháp chế ngân hàng			x	Dân tộc Tày
1712	85	Phạm Quỳnh Hoa	Thúy		07/11/1994	CV Pháp chế ngân hàng				
1713	86	Nguyễn Thanh	Thúy		31/10/1994	CV Pháp chế ngân hàng				
1714	87	Đặng Anh	Thư		21/6/1992	CV Pháp chế ngân hàng				
1715	88	Nguyễn Thu	Thương		12/11/1992	CV Pháp chế ngân hàng				
1716	89	Trần Thị Thanh	Trà		25/6/1991	CV Pháp chế ngân hàng				
1717	90	Hoàng Thị Thùy	Trang		13/06/1995	CV Pháp chế ngân hàng				
1718	91	Đào Huyền	Trang		12/10/1995	CV Pháp chế ngân hàng				
1719	92	Đào Thu	Trang		23/12/1991	CV Pháp chế ngân hàng				
1720	93	Hoàng Thị Thu	Trang		19/8/1995	CV Pháp chế ngân hàng				
1721	94	Đỗ Minh	Trung	04/09/1995		CV Pháp chế ngân hàng				
1722	95	Lư Kế	Trường	31/8/1993		CV Pháp chế ngân hàng				
1723	96	Lê Thị	Vân		16/9/1994	CV Pháp chế ngân hàng				
1724	97	Mạc Hoàng	Việt	30/5/1993		CV Pháp chế ngân hàng		x		Học Thạc sĩ bằng tiếng nước ngoài
1725	98	Ngô Hà	Vinh		21/01/1994	CV Pháp chế ngân hàng				

SBD	TT	Họ và tên		Ngày sinh		Vị trí dự tuyển	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
				Nam	Nữ		Tin	Anh		
1726	99	Nguyễn Thị	Yên		04/01/1992	CV Pháp chế ngân hàng				
1727	1	Phạm Lê Bảo	Chinh		27/4/1988	CV truyền thông		x		Học ĐH bằng tiếng nước ngoài
1728	2	Bùi Thái	Hường		03/04/1990	CV truyền thông				
1729	3	Đào Thúy	Ngân		19/07/1991	CV Truyền thông		x		Học ĐH bằng tiếng nước ngoài
1730	4	Ngô Văn	Tuệ	13/11/1993		CV truyền thông				
1731	1	Phạm Thành	Long	07/09/1993		CV thiết kế mẫu tiền				
1732	2	Đỗ Đức	Thanh	02/10/1991		CV thiết kế mẫu tiền				
1733	1	Hà Bình	Dương	08/09/1990		CV kỹ thuật Điện		x		Học ĐH bằng tiếng nước ngoài
1734	2	Phạm Quang	Huy	14/11/1994		CV kỹ thuật điện				
1735	3	Vũ Thị	Lan		15/1/1977	CV kỹ thuật Điện	x			Thạc sĩ Khoa học máy tính
1736	4	Trần Minh	Ngọc		19/05/1991	CV kỹ thuật điện		x		Cử nhân ngoại ngữ
1737	5	Đỗ Văn	Nhân	03/04/1983		CV kỹ thuật Điện			x	Con người bị nhiễm chất độc hóa học
1738	6	Nguyễn Đức	Thành	03/08/1992		CV kỹ thuật Điện				
1739	1	Nguyễn Tuấn	Anh	02/01/1993		Kỹ sư xây dựng				
1740	2	Đặng Ngọc	Ánh		15/10/1990	Kỹ sư xây dựng				
1741	3	Đinh Kim	Dung		28/7/1993	Kỹ sư xây dựng				
1742	4	Đỗ Minh	Hiếu	03/08/1994		Kỹ sư xây dựng				
1743	5	Nguyễn Đình	Hiếu	02/09/1994		Kỹ sư xây dựng				
1744	6	Nguyễn Văn	Hoàng	30/8/1993		Kỹ sư xây dựng				
1745	7	Nguyễn Mạnh	Hùng	02/01/1992		Kỹ sư xây dựng				
1746	8	Trần Thị	Huyền		31/08/1991	Kỹ sư xây dựng				
1747	9	Nguyễn Thị Mai	Hương		18/01/1987	Kỹ sư xây dựng				
1748	10	Lê Thị	Hường		04/05/1991	Kỹ sư xây dựng				
1749	11	Nguyễn Văn	Kha	19/11/1992		Kỹ sư xây dựng				
1750	12	Vũ Đức	Long	26/01/1994		Kỹ sư xây dựng				
1751	13	Nguyễn Thị	Mơ		26/11/1986	Kỹ sư xây dựng				
1752	14	Vũ Thành	Nam	16/01/1985		Kỹ sư xây dựng				
1753	15	Tạ Văn	Sao	14/9/1977		Kỹ sư xây dựng			x	Người đã xuất ngũ

SBD	TT	Họ và tên		Ngày sinh		Vị trí dự tuyển	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
				Nam	Nữ		Tin	Anh		
1754	16	Lê Ngọc	Tân	25/5/1993		Kỹ sư xây dựng				
1755	17	Đặng Thanh	Thúy		16/05/1981	Kỹ sư xây dựng				
1756	18	Trịnh Thị Phương	Uyên		31/01/1993	Kỹ sư xây dựng				
1757	1	Nguyễn Trung	Hiếu	09/11/1994		CV Y tế				
1758	2	Vương Thị	Ngân		11/11/1988	CV Y tế				
1759	3	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt		26/5/1982	CV Y tế				
1760	1	Trần Quang	Anh	08/03/1990		Kỹ sư CNTT (Phần mềm)	x			
1761	2	Nguyễn Thị	Anh		19/4/1995	Kỹ sư CNTT - TW	x			
1762	3	Vũ Quang	Dũng	23/5/1983		Kỹ sư CNTT (Phần cứng)	x			
1763	4	Phạm Thành	Đồng	16/02/1995		Kỹ sư CNTT (Phần mềm)	x			
1764	5	Lê Anh	Đức	24/8/1992		Kỹ sư CNTT (phần cứng)	x	x		Học ĐH bằng tiếng nước ngoài
1765	6	Nguyễn Thị Phương	Hoa		19/3/1987	Kỹ sư CNTT (phần cứng)	x	x		Cử nhân ngoại ngữ
1766	7	Phan Thị Kim	Hoa		26/2/1985	Kỹ sư CNTT - TW	x			
1767	8	Nguyễn Sơn	Hồng	01/12/1995		Kỹ sư CNTT (Phần mềm)	x			
1768	9	Nguyễn Quý	Hùng	04/01/1989		Kỹ sư CNTT - TW	x			
1769	10	Phan Xuân	Hùng	09/12/1988		Kỹ sư CNTT - TW	x		x	Con TB
1770	11	Nguyễn Thị Thu	Huyền		16/10/1987	Kỹ sư CNTT (Phần mềm)	x			
1771	12	Nguyễn Quang	Hùng	20/06/1983		Kỹ sư CNTT - TW	x		x	Con BB
1772	13	Trương Thị	Hương		28/2/1988	Kỹ sư CNTT (Phần mềm)	x			
1773	14	Đỗ Trung	Kiên	22/12/1979		Kỹ sư CNTT - TW	x			
1774	15	Trịnh Thị Mai	Linh		23/12/1995	Kỹ sư CNTT - TW	x			
1775	16	Nguyễn Bảo	Lộc	25/08/1990		Kỹ sư CNTT - TW	x			
1776	17	Vũ Thị Thúy	Ngân		11/11/1993	Kỹ sư CNTT (Phần mềm)	x			
1777	18	Khuất Thị Như	Quỳnh		11/08/1988	Kỹ sư CNTT (phần cứng - Sơn Tây)	x			
1778	19	Lê Khánh	Toàn	19/10/1990		Kỹ sư CNTT - TW	x		x	Con TB
1779	20	Vương Thị	Tuyến		16/12/1992	Kỹ sư CNTT - TW	x		x	Con BB
1780	21	Phạm Hữu	Thảo	10/05/1976		Kỹ sư CNTT (Phần mềm)	x			
1781	22	Đinh Thị	Trâm		10/02/1994	Kỹ sư CNTT (Phần mềm)	x			
1782	23	Giang Quốc	Trưởng	17/01/1991		Kỹ sư CNTT - TW	x			
1783	24	Phan Thị Thu	Vân		05/09/1985	Kỹ sư CNTT - TW	x			
1784	25	Bùi Thị	Xuân		15/2/1990	Kỹ sư CNTT - TW	x			

SBD	TT	Họ và Tên	Ngày sinh		Đơn vị dự thi	Vị trí	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ			Anh	Tin		
II. Danh sách thí sinh dự thi vào các chi nhánh NHNN thuộc Cụm thi Hà Nội										
2001	1	Nguyễn Thị Lan Anh		03/03/1993	NHNN Chi nhánh TP Hà Nội	CV nghiệp vụ				
2002	2	Tổng Quang Anh	16/11/1994		NHNN Chi nhánh TP Hà Nội	CV nghiệp vụ				
2003	3	Nguyễn Lan Anh		08/05/1992	NHNN Chi nhánh TP Hà Nội	CV nghiệp vụ				
2004	4	Nguyễn Việt Anh	01/07/1989		NHNN Chi nhánh TP Hà Nội	CV nghiệp vụ			x	Con TB
2005	5	Nguyễn Huy Bình	01/10/1988		NHNN Chi nhánh TP Hà Nội	CV nghiệp vụ				
2006	6	Hoàng Thị Dịu		28/02/1987	NHNN Chi nhánh TP Hà Nội	CV nghiệp vụ			x	Dân tộc Nùng
2007	7	Nguyễn Quang Đại	09/08/1993		NHNN Chi nhánh TP Hà Nội	CV nghiệp vụ				
2008	8	Nguyễn Đăng Đại	19/07/1991		NHNN Chi nhánh TP Hà Nội	CV nghiệp vụ				
2009	9	Nguyễn Minh Hằng		19/12/1992	NHNN Chi nhánh TP Hà Nội	CV nghiệp vụ				
2010	10	Bùi Thị Hiếu		20/11/1988	NHNN Chi nhánh TP Hà Nội	CV nghiệp vụ				
2011	11	Trần Minh Hoàng	19/09/1995		NHNN Chi nhánh TP Hà Nội	CV nghiệp vụ				
2012	12	Khổng Thị Kim Huệ		11/09/1988	NHNN Chi nhánh TP Hà Nội	CV nghiệp vụ				
2013	13	Lê Minh Huyền		21/11/1991	NHNN Chi nhánh TP Hà Nội	CV nghiệp vụ				
2014	14	Nguyễn Thị Bích Liên		10/10/1988	NHNN Chi nhánh TP Hà Nội	CV nghiệp vụ				
2015	15	Nguyễn Khánh Linh	06/09/1993		NHNN Chi nhánh TP Hà Nội	CV nghiệp vụ			x	Dân tộc Nùng
2016	16	Nguyễn Thùy Linh		22/10/1995	NHNN Chi nhánh TP Hà Nội	CV nghiệp vụ				
2017	17	Hà Thị Phương Linh		29/11/1993	NHNN Chi nhánh TP Hà Nội	CV nghiệp vụ			x	Dân tộc Tày
2018	18	Đới Thị Khánh Ly		06/05/1985	NHNN Chi nhánh TP Hà Nội	CV nghiệp vụ				
2019	19	Trương Hải Nhi		18/02/1995	NHNN Chi nhánh TP Hà Nội	CV nghiệp vụ				
2020	20	Ngô Thị Hồng Nhung		26/08/1990	NHNN Chi nhánh TP Hà Nội	CV nghiệp vụ				
2021	21	Phạm Cao Phong	20/10/1992		NHNN Chi nhánh TP Hà Nội	CV nghiệp vụ				
2022	22	Trần Quốc Phương	21/02/1994		NHNN Chi nhánh TP Hà Nội	CV nghiệp vụ				
2023	23	Hoàng Thị Quyên		31/07/1992	NHNN Chi nhánh TP Hà Nội	CV nghiệp vụ				
2024	24	Ngô Phú Sơn	24/06/1993		NHNN Chi nhánh TP Hà Nội	CV nghiệp vụ	x			Học ĐH bằng tiếng nước ngoài

SBD	TT	Họ và Tên		Ngày sinh		Đơn vị dự thi	Vị trí	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
				Nam	Nữ			Anh	Tin		
2025	25	Nguyễn Sơn	Tùng	25/07/1995		NHNN Chi nhánh TP Hà Nội	CV nghiệp vụ				
2026	26	Đặng Thanh	Thanh		05/11/1995	NHNN Chi nhánh TP Hà Nội	CV nghiệp vụ				
2027	27	Nguyễn Thu	Trang		08/12/1988	NHNN Chi nhánh TP Hà Nội	CV nghiệp vụ				
2028	28	Triệu Thị	Thanh		04/08/1987	NHNN Chi nhánh TP Hà Nội	Kỹ sư CNTT				
2029	29	Giang Quốc	Trưởng	17/01/1991		NHNN Chi nhánh TP Hà Nội	Kỹ sư CNTT				
2030	1	Nguyễn Thị Hà	Anh		25/12/1995	NHNN Chi nhánh tỉnh Hà Tĩnh	CV nghiệp vụ	x			Học ĐH bằng tiếng nước ngoài
2031	2	Nguyễn Công	Đạt	08/07/1993		NHNN Chi nhánh tỉnh Hà Tĩnh	CV nghiệp vụ				
2032	3	Trần Anh	Đức	13/04/1995		NHNN Chi nhánh tỉnh Hà Tĩnh	CV nghiệp vụ				
2033	4	Trần Lê Trường	Giang	29/7/1993		NHNN Chi nhánh tỉnh Hà Tĩnh	CV nghiệp vụ				
2034	5	Nguyễn Thị Việt	Hà		12/02/1995	NHNN Chi nhánh tỉnh Hà Tĩnh	CV nghiệp vụ				
2035	6	Lê Ngọc	Hiền		28/04/1993	NHNN Chi nhánh tỉnh Hà Tĩnh	CV nghiệp vụ				
2036	7	Nguyễn Thị Phương	Hiền		04/06/1990	NHNN Chi nhánh tỉnh Hà Tĩnh	CV nghiệp vụ				
2037	8	Ngô Thị Việt	Hòa		19/09/1993	NHNN Chi nhánh tỉnh Hà Tĩnh	CV nghiệp vụ				
2038	9	Trần Thị Thục	Hoài		25/12/1994	NHNN Chi nhánh tỉnh Hà Tĩnh	CV nghiệp vụ				
2039	10	Nguyễn Công	Hoàng	20/11/1989		NHNN Chi nhánh tỉnh Hà Tĩnh	CV nghiệp vụ				
2040	11	Nguyễn Thị	Huê		01/02/1989	NHNN Chi nhánh tỉnh Hà Tĩnh	CV nghiệp vụ				
2041	12	Thái Thị Thu	Huyền		05/08/1993	NHNN Chi nhánh tỉnh Hà Tĩnh	CV nghiệp vụ			x	Con TB
2042	13	Đoàn Phương	Linh		22/11/1994	NHNN Chi nhánh tỉnh Hà Tĩnh	CV nghiệp vụ				
2043	14	Trần Khánh	Ly		10/08/1994	NHNN Chi nhánh tỉnh Hà Tĩnh	CV nghiệp vụ				
2044	15	Lê Thị	Nga		12/12/1990	NHNN Chi nhánh tỉnh Hà Tĩnh	CV nghiệp vụ				
2045	16	Nguyễn Xuân	Nguyên	02/03/1988		NHNN Chi nhánh tỉnh Hà Tĩnh	CV nghiệp vụ			x	Con người hưởng chính sách như TB
2046	17	Võ Thị Ngọc	Phú		01/10/1993	NHNN Chi nhánh tỉnh Hà Tĩnh	CV nghiệp vụ				
2047	18	Trương Thị Hạ	Quyên		08/04/1995	NHNN Chi nhánh tỉnh Hà Tĩnh	CV nghiệp vụ				
2048	19	Hoàng Quốc	Tuấn	01/05/1993		NHNN Chi nhánh tỉnh Hà Tĩnh	CV nghiệp vụ				
2049	20	Lê Thị Huyền	Thanh		30/08/1995	NHNN Chi nhánh tỉnh Hà Tĩnh	CV nghiệp vụ				
2050	21	Phạm Huy	Thông	21/02/1992		NHNN Chi nhánh tỉnh Hà Tĩnh	CV nghiệp vụ				

SBD	TT	Họ và Tên		Ngày sinh		Đơn vị dự thi	Vị trí	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
				Nam	Nữ			Anh	Tin		
2051	22	Cao Thanh	Thùy		25/04/1994	NHNN Chi nhánh tỉnh Hà Tĩnh	CV nghiệp vụ				
2052	23	Hồ Thị Huyền	Trang		10/06/1995	NHNN Chi nhánh tỉnh Hà Tĩnh	CV nghiệp vụ				
2053	24	Nguyễn Thị Huyền	Trang		08/08/1993	NHNN Chi nhánh tỉnh Hà Tĩnh	CV nghiệp vụ				
2054	25	Nguyễn Thị Cẩm	Vân		10/07/1994	NHNN Chi nhánh tỉnh Hà Tĩnh	CV nghiệp vụ				
2055	26	Kiều Hồng	Vân		01/07/1993	NHNN Chi nhánh tỉnh Hà Tĩnh	CV nghiệp vụ				
2056	1	Trần Thị Lan	Anh		20/12/1991	NHNN Chi nhánh TP Hải Phòng	CV nghiệp vụ				
2057	2	Ngô Thị Lương	Anh		02/7/1985	NHNN Chi nhánh TP Hải Phòng	CV nghiệp vụ				
2058	3	Vũ Thị Vân	Anh		02/11/1995	NHNN Chi nhánh TP Hải Phòng	CV nghiệp vụ	x			Học ĐH bằng tiếng nước ngoài
2059	4	Lê Thị Vân	Anh		20/04/1988	NHNN Chi nhánh TP Hải Phòng	CV nghiệp vụ				
2060	5	Hà Tuấn	Anh	02/05/1993		NHNN Chi nhánh TP Hải Phòng	CV nghiệp vụ				
2061	6	Nguyễn Thị	Bình		25/01/1992	NHNN Chi nhánh TP Hải Phòng	CV nghiệp vụ				
2062	7	Nguyễn Thị Thu	Hà		15/06/1986	NHNN Chi nhánh TP Hải Phòng	CV nghiệp vụ				
2063	8	Vũ Đức	Hoàng	19/11/1995		NHNN Chi nhánh TP Hải Phòng	CV nghiệp vụ				
2064	9	Đặng Thúy	Hồng		04/12/1993	NHNN Chi nhánh TP Hải Phòng	CV nghiệp vụ				
2065	10	Phạm Thị Thanh	Huyền		06/05/1994	NHNN Chi nhánh TP Hải Phòng	CV nghiệp vụ				
2066	11	Nguyễn Phương	Liên		04/02/1992	NHNN Chi nhánh TP Hải Phòng	CV nghiệp vụ				
2067	12	Hoàng Ngọc	Mai		23/09/1995	NHNN Chi nhánh TP Hải Phòng	CV nghiệp vụ				
2068	13	Tạ Thị Hồng	Minh		18/01/1996	NHNN Chi nhánh TP Hải Phòng	CV nghiệp vụ				
2069	14	Phạm Hoàng	Minh	13/06/1994		NHNN Chi nhánh TP Hải Phòng	CV nghiệp vụ				
2070	15	Nguyễn Quang	Nhật	11/11/1989		NHNN Chi nhánh TP Hải Phòng	CV nghiệp vụ				
2071	16	Nguyễn Đình	Quang	08/11/1990		NHNN Chi nhánh TP Hải Phòng	CV nghiệp vụ				
2072	17	Lương Đức	Thành	24/05/1991		NHNN Chi nhánh TP Hải Phòng	CV nghiệp vụ				
2073	19	Lê Văn	Thịnh	30/08/1993		NHNN Chi nhánh TP Hải Phòng	CV nghiệp vụ				
2074	20	Nguyễn Văn	Thịnh	08/11/1993		NHNN Chi nhánh TP Hải Phòng	CV nghiệp vụ				
2075	21	Lê Thị Hương	Trang		28/11/1990	NHNN Chi nhánh TP Hải Phòng	CV nghiệp vụ				
2076	22	Nguyễn Thùy	Trang		14/07/1989	NHNN Chi nhánh TP Hải Phòng	CV nghiệp vụ				

SBD	TT	Họ và Tên		Ngày sinh		Đơn vị dự thi	Vị trí	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
				Nam	Nữ			Anh	Tin		
2077	23	Đỗ Thị Hồng	Xuyến		05/05/1991	NHNN Chi nhánh TP Hải Phòng	CV nghiệp vụ				
2078	18	Nguyễn Sinh	Thành	11/10/1987		NHNN Chi nhánh TP Hải Phòng	Kỹ sư CNTT		x		Kỹ sư CNTT
2079	1	Vũ Thị Kim	Anh		26/01/1994	NHNN chi nhánh tỉnh Nam Định	CV nghiệp vụ				
2080	2	Trần Tú	Anh		25/8/1996	NHNN chi nhánh tỉnh Nam Định	CV nghiệp vụ				
2081	3	Bùi Thu	Cúc		06/3/1994	NHNN chi nhánh tỉnh Nam Định	CV nghiệp vụ				
2082	4	Mai Thị	Chi		27/11/1995	NHNN chi nhánh tỉnh Nam Định	CV nghiệp vụ				
2083	5	Lại Hương	Giang		03/01/1992	NHNN chi nhánh tỉnh Nam Định	CV nghiệp vụ	x			Học ĐH bằng tiếng nước ngoài
2084	6	Vũ Thị	Hà		07/11/1992	NHNN chi nhánh tỉnh Nam Định	CV nghiệp vụ				
2085	7	Trần Thị Thanh	Nga		04/3/1986	NHNN chi nhánh tỉnh Nam Định	CV nghiệp vụ	x			Học Thạc sĩ bằng tiếng nước ngoài
2086	8	Phạm Khắc	Ruệ	18/01/1994		NHNN chi nhánh tỉnh Nam Định	CV nghiệp vụ			x	Con BB
2087	9	Trần Phương	Thảo		27/01/1995	NHNN chi nhánh tỉnh Nam Định	CV nghiệp vụ				
2088	10	Phạm Đức	Thắng	23/8/1992		NHNN chi nhánh tỉnh Nam Định	CV nghiệp vụ				
2089	11	Trần Phương	Thịnh	26/11/1994		NHNN chi nhánh tỉnh Nam Định	CV nghiệp vụ				
2090	1	Nguyễn Thị Anh	Đào		12/8/1991	NHNN chi nhánh tỉnh Quảng Ninh	CV nghiệp vụ				
2091	2	Nguyễn Thu	Hà		08/6/1988	NHNN chi nhánh tỉnh Quảng Ninh	CV nghiệp vụ				
2092	3	Chu Lan	Hương		19/3/1989	NHNN chi nhánh tỉnh Quảng Ninh	CV nghiệp vụ				
2093	4	Hoàng Tuyết	Mai		28/7/1992	NHNN chi nhánh tỉnh Quảng Ninh	CV nghiệp vụ				
2094	5	Phạm Thị Minh	Phương		19/9/1990	NHNN chi nhánh tỉnh Quảng Ninh	CV nghiệp vụ				
2095	6	Nguyễn Thị	Quyên		06/11/1988	NHNN chi nhánh tỉnh Quảng Ninh	CV nghiệp vụ				
2096	7	Đinh Thúy	Quỳnh		20/4/1990	NHNN chi nhánh tỉnh Quảng Ninh	CV nghiệp vụ				
2097	8	Vũ Quỳnh	Trang		08/10/1986	NHNN chi nhánh tỉnh Quảng Ninh	CV nghiệp vụ				
2098	1	Lê Thị Thái	An		26/12/1992	NHNN Chi nhánh tỉnh Bắc Kạn	CV nghiệp vụ			x	Dân tộc Tày
2099	2	Trương Thị	Ánh		30/01/1995	NHNN Chi nhánh tỉnh Bắc Kạn	CV nghiệp vụ			x	Dân tộc Tày
2100	3	Đỗ Thị	Hạnh		22/04/1995	NHNN Chi nhánh tỉnh Bắc Kạn	CV nghiệp vụ				
2101	4	Huỳnh Thị Ngọc	Huyền		10/02/1993	NHNN Chi nhánh tỉnh Bắc Kạn	CV nghiệp vụ				
2102	5	Nguyễn Thanh	Huyền		04/06/1994	NHNN Chi nhánh tỉnh Bắc Kạn	CV nghiệp vụ				

SBD	TT	Họ và Tên		Ngày sinh		Đơn vị dự thi	Vị trí	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
				Nam	Nữ			Anh	Tin		
2103	1	Vũ Trung	Kiên	20/12/1994		NHNN Chi nhánh tỉnh Hà Nam	CV nghiệp vụ				
2104	1	Vũ Thị Lan	Anh		18/08/1994	NHNN Chi nhánh tỉnh Hải Dương	CV nghiệp vụ				
2105	2	Nghiêm Công Tuấn	Anh	07/3/1992		NHNN Chi nhánh tỉnh Hải Dương	CV nghiệp vụ				
2106	3	Nguyễn Quý	Bằng	05/8/1993		NHNN Chi nhánh tỉnh Hải Dương	CV nghiệp vụ				
2107	4	Phạm Thị	Cường		18/01/1988	NHNN chi nhánh tỉnh Hải Dương	CV nghiệp vụ			x	Con TB
2108	5	Nguyễn Thị	Hằng		25/6/1992	NHNN Chi nhánh tỉnh Hải Dương	CV nghiệp vụ				
2109	6	Phạm Phương	Hoa		29/11/1995	NHNN Chi nhánh tỉnh Hải Dương	CV nghiệp vụ				
2110	7	Nguyễn Thị	Hoa		25/6/1993	NHNN Chi nhánh tỉnh Hải Dương	CV nghiệp vụ				
2111	8	Vũ Thị	Huyền		31/8/1988	NHNN Chi nhánh tỉnh Hải Dương	CV nghiệp vụ				
2112	9	Đặng Văn	Hưng	05/9/1990		NHNN Chi nhánh tỉnh Hải Dương	CV nghiệp vụ				
2113	10	Đinh Thị Thu	Hương		03/10/1989	NHNN Chi nhánh tỉnh Hải Dương	CV nghiệp vụ				
2114	11	Nguyễn Thị Ngọc	Linh		23/10/1988	NHNN Chi nhánh tỉnh Hải Dương	CV nghiệp vụ				
2115	12	Đỗ Ngọc	Mai		29/11/1987	NHNN Chi nhánh tỉnh Hải Dương	CV nghiệp vụ				
2116	13	Trần Thị Xuân	Mỹ		20/6/1987	NHNN Chi nhánh tỉnh Hải Dương	CV nghiệp vụ				
2117	14	Đinh Thị Yến	Ngọc		21/12/1994	NHNN Chi nhánh tỉnh Hải Dương	CV nghiệp vụ				
2118	15	Nguyễn Thế	Nhạ	19/9/1993		NHNN chi nhánh tỉnh Hải Dương	CV nghiệp vụ				
2119	16	Phan Đình	Phúc	01/10/1994		NHNN Chi nhánh tỉnh Hải Dương	CV nghiệp vụ				
2120	17	Ngô Thị Thu	Quỳnh		15/9/1993	NHNN Chi nhánh tỉnh Hải Dương	CV nghiệp vụ				
2121	18	Trần Thị Huyền	Trang		11/12/1993	NHNN Chi nhánh tỉnh Hải Dương	CV nghiệp vụ				
2122	1	Đào Thị Thu	Hà		22/8/1994	NHNN Chi nhánh tỉnh Bắc Giang	CV nghiệp vụ				
2123	2	Dương Thị Quý	Hải		14/8/1994	NHNN Chi nhánh tỉnh Bắc Giang	CV nghiệp vụ				
2124	3	Trần Thị	Hằng		11/05/1995	NHNN Chi nhánh tỉnh Bắc Giang	CV nghiệp vụ				
2125	4	Đỗ Thị Thanh	Mai		06/01/1991	NHNN Chi nhánh tỉnh Bắc Giang	CV nghiệp vụ				
2126	5	Hoàng Thị Ánh	Nguyệt		05/04/1992	NHNN Chi nhánh tỉnh Bắc Giang	CV nghiệp vụ				
2127	6	Đặng Thanh	Nhã		02/07/1985	NHNN Chi nhánh tỉnh Bắc Giang	CV nghiệp vụ				
2128	7	Nguyễn Thị	Nhung		01/11/1990	NHNN Chi nhánh tỉnh Bắc Giang	CV nghiệp vụ				

SBD	TT	Họ và Tên		Ngày sinh		Đơn vị dự thi	Vị trí	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
				Nam	Nữ			Anh	Tin		
2129	8	Nguyễn Đình	Quân	20/9/1987		NHNN Chi nhánh tỉnh Bắc Giang	CV nghiệp vụ				
2130	9	Nguyễn Thị	Thêm		27/6/1992	NHNN Chi nhánh tỉnh Bắc Giang	CV nghiệp vụ	x			Cử nhân ngoại ngữ
2131	10	Thân Hải	Vân		20/12/1989	NHNN Chi nhánh tỉnh Bắc Giang	CV nghiệp vụ				
2132	1	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh		05/12/1995	NHNN Chi nhánh tỉnh Thái Nguyên	CV nghiệp vụ				
2133	2	Nguyễn Hạnh	Dung		04/08/1988	NHNN Chi nhánh tỉnh Thái Nguyên	CV nghiệp vụ				
2134	3	Nguyễn Việt	Dũng	31/07/1991		NHNN Chi nhánh tỉnh Thái Nguyên	CV nghiệp vụ			x	Dân tộc Tày
2135	4	Doãn Thị	Giang		19/04/1994	NHNN Chi nhánh tỉnh Thái Nguyên	CV nghiệp vụ				
2136	5	Tạ Hồng	Hạnh		12/11/1992	NHNN Chi nhánh tỉnh Thái Nguyên	CV nghiệp vụ				
2137	6	Đỗ Quỳnh	Hương		06/12/1995	NHNN Chi nhánh tỉnh Thái Nguyên	CV nghiệp vụ			x	Dân tộc Tày
2138	7	Trần Thị Thu	Hường		17/06/1991	NHNN Chi nhánh tỉnh Thái Nguyên	CV nghiệp vụ				
2139	8	Nguyễn Đức	Khánh	09/10/1995		NHNN Chi nhánh tỉnh Thái Nguyên	CV nghiệp vụ				
2140	9	Đoàn Hữu	Khánh	09/11/1993		NHNN Chi nhánh tỉnh Thái Nguyên	CV nghiệp vụ				
2141	10	Nguyễn Thị	Lâm		21/07/1990	NHNN Chi nhánh tỉnh Thái Nguyên	CV nghiệp vụ				
2142	11	Nguyễn Thành	Luân	27/06/1990		NHNN Chi nhánh tỉnh Thái Nguyên	CV nghiệp vụ				
2143	12	Ngô Thị Thu	Mai		20/07/1990	NHNN Chi nhánh tỉnh Thái Nguyên	CV nghiệp vụ				
2144	13	Bùi Thị Kim	Ngân		01/10/1993	NHNN Chi nhánh tỉnh Thái Nguyên	CV nghiệp vụ				
2145	14	Vũ Thị Hồng	Nhung		29/01/1993	NHNN Chi nhánh tỉnh Thái Nguyên	CV nghiệp vụ				
2146	15	Đào Duy	Quảng	18/07/1989		NHNN Chi nhánh tỉnh Thái Nguyên	CV nghiệp vụ				
2147	16	Lê Thị Như	Quỳnh		05/08/1992	NHNN Chi nhánh tỉnh Thái Nguyên	CV nghiệp vụ				
2148	17	Hà Mạnh	Tuấn	16/10/1990		NHNN Chi nhánh tỉnh Thái Nguyên	CV nghiệp vụ				
2149	18	Nông Anh	Tuấn	03/09/1991		NHNN Chi nhánh tỉnh Thái Nguyên	CV nghiệp vụ			x	Dân tộc Tày
2150	19	Nguyễn Thanh	Tùng	04/09/1993		NHNN Chi nhánh tỉnh Thái Nguyên	CV nghiệp vụ				
2151	20	Nguyễn Thị Phương	Thảo		29/12/1994	NHNN Chi nhánh tỉnh Thái Nguyên	CV nghiệp vụ				
2152	21	Nguyễn Phương	Thảo		03/12/1995	NHNN Chi nhánh tỉnh Thái Nguyên	CV nghiệp vụ			x	Dân tộc Sán Dìu
2153	22	Vũ Thị	Trinh		29/11/1987	NHNN Chi nhánh tỉnh Thái Nguyên	CV nghiệp vụ				
2154	23	Nguyễn Thị Hải	Vân		12/06/1988	NHNN Chi nhánh tỉnh Thái Nguyên	CV nghiệp vụ				

SBD	TT	Họ và Tên		Ngày sinh		Đơn vị dự thi	Vị trí	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
				Nam	Nữ			Anh	Tin		
III. Danh sách thí sinh dự thi vào các chi nhánh NHNN thuộc Cụm thi Đà Nẵng											
3001	1	Lê Thị Nguyệt	Ánh		22/10/1993	NHNN Chi nhánh TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ				
3002	2	Trần Ngọc	Ánh		26/6/1991	NHNN Chi nhánh TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ				
3003	3	Ngô Huy	Bảo	28/09/1988		NHNN Chi nhánh TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ				
3004	4	Lê Thị Hoài	Châu		22/11/1989	NHNN Chi nhánh TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ				
3005	5	Phan Thị Hoài	Dung		15/06/1988	NHNN Chi nhánh TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ				
3006	6	Đào Thị Thùy	Dung		01/01/1988	NHNN Chi nhánh TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ			x	Con TB
3007	7	Trương Uyên	Giang		10/7/1988	NHNN Chi nhánh TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ				
3008	8	Vũ Thị Thùy	Giang		15/06/1986	NHNN Chi nhánh TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ				
3009	9	Nguyễn Thị Ái	Hà		15/11/1988	NHNN Chi nhánh TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ				
3010	10	Lưu Thị Mỹ	Hạnh		2/8/1987	NHNN Chi nhánh TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ				
3011	11	Nguyễn Lê Minh	Hiếu	16/10/1987		NHNN Chi nhánh TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ				
3012	12	Huỳnh Thị Thu	Hồng		13/10/1988	NHNN Chi nhánh TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ				
3013	13	Đỗ Tú	Khanh		27/04/1994	NHNN Chi nhánh TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ				
3014	14	Phan Thị Thanh	Lâm		11/4/1986	NHNN Chi nhánh TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ				
3015	15	Nguyễn Thị	Liên		28/11/1987	NHNN Chi nhánh TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ				
3016	16	Nguyễn Thanh	Mai		11/9/1991	NHNN Chi nhánh TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ			x	Con TB
3017	17	Bùi Thị Anh	Minh		14/11/1991	NHNN Chi nhánh TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ				
3018	18	Nguyễn Lưu Trúc	My		23/01/1995	NHNN Chi nhánh TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ				
3019	19	Ngô Hà	My		09/11/1991	NHNN Chi nhánh TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ				
3020	20	Nguyễn Thị Tùng	Ni		09/5/1990	NHNN Chi nhánh TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ				

SBD	TT	Họ và Tên	Ngày sinh		Đơn vị dự thi	Vị trí	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ			Anh	Tin		
3021	21	Lê Thị Thanh Nga		27/09/1987	NHNN Chi nhánh TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ				
3022	22	Võ Phạm Nhất Nguyên		30/5/1993	NHNN Chi nhánh TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ				
3023	23	Phạm Thị Hồng Oanh		13/05/1985	NHNN Chi nhánh TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ	x			Cử nhân ngoại ngữ
3024	24	Trần Thị Kiều Oanh		20/01/1993	NHNN Chi nhánh TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ				
3025	25	Đoàn Thị Mỹ Phương		01/07/1989	NHNN Chi nhánh TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ			x	Con TB
3026	26	Đoàn Thị Mỹ Phương		19/08/1993	NHNN Chi nhánh TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ				
3027	27	Hồ Thị Quyên		28/09/1992	NHNN Chi nhánh TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ				
3028	28	Lê Thương Quỳnh		04/10/1990	NHNN Chi nhánh TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ				
3029	29	Đỗ Hoàng Sa		10/11/1990	NHNN Chi nhánh TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ				
3030	30	Lê Thị Thanh Tâm		31/07/1985	NHNN Chi nhánh TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ				
3031	31	Trần Thị Minh Tú		14/7/1993	NHNN Chi nhánh TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ				
3032	32	Hoàng Anh Tuấn	23/08/1994		NHNN Chi nhánh TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ				
3033	33	Lê Thị Kim Thoa		13/04/1986	NHNN Chi nhánh TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ				
3034	34	Trịnh Thị Thanh Thủy		01/02/1992	NHNN Chi nhánh TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ				
3035	35	Lê Thị Lệ Thủy		13/01/1988	NHNN Chi nhánh TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ				
3036	36	Nguyễn Thị Ngọc Trâm		17/01/1995	NHNN Chi nhánh TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ				
3037	37	Nguyễn Đình Trí	20/10/1995		NHNN Chi nhánh TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ				
3038	38	Huỳnh Thị Tố Trinh		12/11/1989	NHNN Chi nhánh TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ				
3039	39	Trần Hữu Trịnh	08/12/1991		NHNN Chi nhánh TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ				
3040	40	Đinh Thị Thanh Trúc		12/3/1990	NHNN Chi nhánh TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ				

SBD	TT	Họ và Tên	Ngày sinh		Đơn vị dự thi	Vị trí	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ			Anh	Tin		
3041	41	Trần Thị Phương Uyên		24/12/1988	NHNN Chi nhánh TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ				
3042	42	Trần Việt Việt	06/01/1988		NHNN Chi nhánh TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ				
3043	43	Lê Thị Thanh Xuân		22/12/1991	NHNN Chi nhánh TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ				
3044	44	Nguyễn Thị Như Ý		11/11/1992	NHNN Chi nhánh TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ				
3045	1	Mai Duy Anh	22/06/1995		NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Bình	CV nghiệp vụ				
3046	2	Hà Tuấn Anh	02/05/1993		NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Bình	CV nghiệp vụ				
3047	3	Cao Hoàng Ngọc Hà		13/02/1994	NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Bình	CV nghiệp vụ				
3048	4	Trương Thị Mỹ Hạnh		16/04/1993	NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Bình	CV nghiệp vụ	x			Học ĐH bằng tiếng nước ngoài
3049	5	Đào Thị Hào		10/03/1994	NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Bình	CV nghiệp vụ				
3050	6	Mai Thục Hiền		08/02/1994	NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Bình	CV nghiệp vụ				
3051	7	Đặng Thị Hoa Hồng		12/06/1994	NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Bình	CV nghiệp vụ				
3052	8	Trần Mạnh Hùng	20/12/1991		NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Bình	CV nghiệp vụ				
3053	9	Cao Thị Diệu Hương		01/12/1991	NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Bình	CV nghiệp vụ				
3054	10	Lê Diệu Linh		07/10/1987	NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Bình	CV nghiệp vụ				
3055	11	Lưu Hà Thùy Linh		01/10/1993	NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Bình	CV nghiệp vụ				
3056	12	Nguyễn Hồng Loan		26/07/1994	NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Bình	CV nghiệp vụ				
3057	13	Phạm Văn Mão	08/07/1987		NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Bình	CV nghiệp vụ				
3058	14	Nguyễn Thị Hồng Ngọc		12/06/1993	NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Bình	CV nghiệp vụ			x	Con TB
3059	15	Trần Châu Bích Ngọc		26/12/1989	NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Bình	CV nghiệp vụ				
3060	16	Nguyễn Thùy Phương		26.09.1994	NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Bình	CV nghiệp vụ				

SBD	TT	Họ và Tên	Ngày sinh		Đơn vị dự thi	Vị trí	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ			Anh	Tin		
3061	17	Trần Hồng Quân	20/07/1995		NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Bình	CV nghiệp vụ				
3062	18	Nguyễn Phương Thúy		08/01/1995	NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Bình	CV nghiệp vụ				
3063	19	Trần Thị Thùy Trang		06/01/1995	NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Bình	CV nghiệp vụ				
3064	20	Mai Thị Thành Vinh		04/04/1993	NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Bình	CV nghiệp vụ				
3065	21	Nguyễn Thị Xinh		25/06/1987	NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Bình	CV nghiệp vụ			x	Con TB
3066	1	Bùi Đức Hoàng Anh	05/11/1989		NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Nam	CV nghiệp vụ				
3067	2	Nguyễn Quỳnh Châu		25/09/1991	NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Nam	CV nghiệp vụ				
3068	3	Ngô Thục Đan		01/09/1992	NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Nam	CV Kế toán - Kiểm toán				
3069	4	Trần Thanh Hào	03/11/1987		NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Nam	CV Kế toán - Kiểm toán				
3070	5	Phan Thị Lệ Khuyên		03/03/1989	NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Nam	CV nghiệp vụ				
3071	6	Mai Thị Liên		16/02/1987	NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Nam	CV nghiệp vụ				
3072	7	Nguyễn Thị Bích Liễu		04/01/1989	NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Nam	CV Kế toán - Kiểm toán	x			Học Thạc sĩ bằng tiếng nước ngoài
3073	8	Võ Anh Mỹ	28/08/1990		NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Nam	CV nghiệp vụ				
3074	9	Nguyễn Thị Mỹ		10/11/1990	NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Nam	CV Kế toán - Kiểm toán				
3075	10	Bùi Thị Mỹ Ninh		29/09/1995	NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Nam	CV Kế toán - Kiểm toán				
3076	11	Huỳnh Thị Nga		12/03/1983	NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Nam	CV Kế toán - Kiểm toán				
3077	12	Đỗ Thị Ngân		23/07/1994	NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Nam	CV Kế toán - Kiểm toán				
3078	13	Lê Thị Xuân Nguyên		11/09/1991	NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Nam	CV Kế toán - Kiểm toán			x	Con TB
3079	14	Dương Nguyễn Ý Nhân		10/03/1989	NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Nam	CV Kế toán - Kiểm toán				
3080	15	Nguyễn Thị Mai Phương		27/06/1994	NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Nam	CV nghiệp vụ				

SBD	TT	Họ và Tên		Ngày sinh		Đơn vị dự thi	Vị trí	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
				Nam	Nữ			Anh	Tin		
3081	16	Trần Thanh	Tuấn	29/08/1989		NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Nam	CV nghiệp vụ				
3082	17	Nguyễn Thị	Tuyến		25/08/1993	NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Nam	CV Kế toán - Kiểm toán				
3083	18	Nguyễn Thị Thu	Thảo		20/10/1995	NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Nam	CV Kế toán - Kiểm toán				
3084	19	Nguyễn Thị Thanh	Thúy		18/04/1982	NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Nam	CV Kế toán - Kiểm toán				
3085	20	Bùi Thị	Thương		28/10/1993	NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Nam	CV nghiệp vụ				
3086	21	Phạm Thị Thảo	Trang		09/11/1992	NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Nam	CV nghiệp vụ				
3087	1	Lê Vũ Diễm	Chi		02/12/1991	NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi	CV nghiệp vụ				
3088	2	Phạm Thị Diễm	Chi		16/11/1988	NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi	CV nghiệp vụ				
3089	3	Nguyễn Thọ	Chức	13/09/1985		NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi	CV nghiệp vụ				
3090	4	Hoàng Thị Mỹ	Hiền		09/01/1995	NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi	CV nghiệp vụ				
3091	5	Vũ Nữ Lê	Huyền		07/05/1993	NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi	CV nghiệp vụ			x	Con TB
3092	6	Bùi Nguyễn Duy	Liêm	23/02/1992		NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi	CV nghiệp vụ				
3093	7	Lê Thị Ái	Mỹ		25/11/1991	NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi	CV nghiệp vụ				
3094	8	Võ Thị Phương	Nga		09/10/1993	NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi	CV nghiệp vụ			x	Con TB
3095	9	Phạm Thuý	Tân		17/05/1992	NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi	CV nghiệp vụ				
3096	10	Huỳnh Nữ Hiền	Trang		06/03/1992	NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi	CV nghiệp vụ				
3097	11	Lê Thị Minh	Trâm		17/09/1992	NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi	CV nghiệp vụ				
3098	12	Nguyễn Thuý	Trinh		12/03/1992	NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi	CV nghiệp vụ				
3099	13	Hà Lê Phương	Vũ		18/01/1989	NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi	CV nghiệp vụ				
3100	14	Nguyễn Trường	Vũ	20/02/1989		NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi	CV nghiệp vụ				

SBD	TT	Họ và Tên	Ngày sinh		Đơn vị dự thi	Vị trí	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ			Anh	Tin		
3101	15	Nguyễn Thị Thuý Vy		08/07/1994	NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi	CV nghiệp vụ				
3102	16	Trần Thị Ngọc Yến		22/03/1993	NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi	CV nghiệp vụ				
3103	1	Nguyễn Sỹ Tuấn Anh	19/08/1993		NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Trị	CV nghiệp vụ				
3104	2	Nguyễn Thị Hải Châu		12/09/1993	NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Trị	CV nghiệp vụ				
3105	3	Nguyễn Thị Ngọc Hà		22/05/1991	NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Trị	CV nghiệp vụ				
3106	4	Võ Thị Hải Hiền		12/10/1994	NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Trị	CV nghiệp vụ				
3107	5	Mai Minh Hiền		14/09/1987	NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Trị	CV nghiệp vụ				
3108	6	Nguyễn Lê Nhật Hiền	11/10/1993		NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Trị	CV nghiệp vụ				
3109	7	Đặng Bảo Hoàng	11/10/1993		NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Trị	CV nghiệp vụ				
3110	8	Nguyễn Thị Hồng		01/09/1994	NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Trị	CV nghiệp vụ				
3111	9	Nguyễn Thị Diệu Huyền		08/08/1978	NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Trị	CV nghiệp vụ			x	Con TB
3112	10	Thái Lê Phương Liên		01/05/1991	NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Trị	CV nghiệp vụ				
3113	11	Hồ Thị Khánh Ly		01/10/1993	NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Trị	CV nghiệp vụ				
3114	12	Nguyễn Thanh Mai		11/03/1993	NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Trị	CV nghiệp vụ				
3115	13	Lê Hà My		10/02/1986	NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Trị	CV nghiệp vụ				
3116	14	Nguyễn Thảo Nguyên		14/07/1995	NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Trị	CV nghiệp vụ				
3117	15	Trần Hữu Nhân	13/02/1991		NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Trị	CV nghiệp vụ				
3118	16	Nguyễn Hạnh Nhân		08/12/1994	NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Trị	CV nghiệp vụ				
3119	17	Châu Ngọc Linh Nhi		22/08/1995	NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Trị	CV nghiệp vụ				
3120	18	Hoàng Thị Bạch Như		14/09/1995	NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Trị	CV nghiệp vụ				

SBD	TT	Họ và Tên	Ngày sinh		Đơn vị dự thi	Vị trí	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ			Anh	Tin		
3121	19	Trần Thị Hoàng Oanh		25/02/1992	NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Trị	CV nghiệp vụ				
3122	20	Trương Phú	03/06/1991		NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Trị	CV nghiệp vụ				
3123	21	Hà Thị Thảo Phương		25/09/1995	NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Trị	CV nghiệp vụ				
3124	22	Nguyễn Hoài Phương		11/02/1995	NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Trị	CV nghiệp vụ				
3125	23	Nguyễn Thị Lan Phương		20/01/1992	NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Trị	CV nghiệp vụ				
3126	24	Bùi Thái Phương		04/03/1993	NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Trị	CV nghiệp vụ				
3127	25	Nguyễn Hoàng Quý	23/10/1994		NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Trị	CV nghiệp vụ				
3128	26	Trần Thị Thục Quyên		19/09/1991	NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Trị	CV nghiệp vụ				
3129	27	Trần Nữ Như Quyên		26/12/1989	NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Trị	CV nghiệp vụ				
3130	28	Ngô Thị Minh Tâm		03/11/1995	NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Trị	CV nghiệp vụ				
3131	29	Lê Thị Hà Tiên		14/11/1992	NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Trị	CV nghiệp vụ				
3132	30	Lê Thị Cát Tường		04/01/1986	NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Trị	CV nghiệp vụ	x			Cử nhân ngoại ngữ
3133	31	Cáp Thị Phương Thảo		31/03/1994	NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Trị	CV nghiệp vụ				
3134	32	Hoàng Xuân Thắng	27/08/1988		NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Trị	CV nghiệp vụ		x		Cử nhân Công nghệ thông tin
3135	33	Trương Ngọc Bảo Thi		29/06/1995	NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Trị	CV nghiệp vụ				
3136	34	Bùi Văn Thuần	20/06/1991		NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Trị	CV nghiệp vụ				
3137	35	Hồ Thị Huyền Trang		21/09/1988	NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Trị	CV nghiệp vụ				
3138	36	Cao Thị Hồng Vân		20/01/1990	NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Trị	CV nghiệp vụ				
3139	1	Lê Thị Quỳnh Anh		05/12/1993	NHNN Chi nhánh tỉnh Thừa Thiên - Huế	CV nghiệp vụ				
3140	2	Mai Khắc Bá	02/08/1994		NHNN Chi nhánh tỉnh Thừa Thiên - Huế	CV nghiệp vụ	x			Học ĐH bằng tiếng nước ngoài

SBD	TT	Họ và Tên	Ngày sinh		Đơn vị dự thi	Vị trí	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ			Anh	Tin		
3141	3	Dương Ngô Thái Bình	30/10/1993		NHNN Chi nhánh tỉnh Thừa Thiên - Huế	CV nghiệp vụ				
3142	4	Lê Ngọc Bảo Châu		26/8/1989	NHNN Chi nhánh tỉnh Thừa Thiên - Huế	CV nghiệp vụ				
3143	5	Bùi Văn Danh	03/07/1993		NHNN Chi nhánh tỉnh Thừa Thiên - Huế	CV nghiệp vụ				
3144	6	Đinh Ngọc Duy	06/07/1992		NHNN Chi nhánh tỉnh Thừa Thiên - Huế	CV nghiệp vụ				
3145	7	Nguyễn Thị Thùy Dương		25/8/1984	NHNN Chi nhánh tỉnh Thừa Thiên - Huế	CV nghiệp vụ	x			Cử nhân ngoại ngữ
3146	8	Trương Hữu Đạt	05/03/1992		NHNN Chi nhánh tỉnh Thừa Thiên - Huế	CV nghiệp vụ				
3147	9	Mai Thị Nhân Đức		18/3/1987	NHNN Chi nhánh tỉnh Thừa Thiên - Huế	CV nghiệp vụ				
3148	10	Ngô Thị Ngân Giang		13/02/1993	NHNN Chi nhánh tỉnh Thừa Thiên - Huế	CV nghiệp vụ				
3149	11	Tổng Văn Giang		23/04/1994	NHNN Chi nhánh tỉnh Thừa Thiên - Huế	CV nghiệp vụ				
3150	12	Cao Hữu Hải	02/11/1990		NHNN Chi nhánh tỉnh Thừa Thiên - Huế	CV nghiệp vụ				
3151	13	Phan Quốc Hải	12/01/1990		NHNN Chi nhánh tỉnh Thừa Thiên - Huế	CV nghiệp vụ				
3152	14	Châu Thanh Hằng		15/10/1995	NHNN Chi nhánh tỉnh Thừa Thiên - Huế	CV nghiệp vụ				
3153	15	Đỗ Quỳnh Hương		13/02/1987	NHNN Chi nhánh tỉnh Thừa Thiên - Huế	CV nghiệp vụ				
3154	16	Trần Quang Khoa	09/06/1994		NHNN Chi nhánh tỉnh Thừa Thiên - Huế	CV nghiệp vụ	x			Học ĐH bằng tiếng nước ngoài
3155	17	Nguyễn Thị Hồng Liên		06/06/1992	NHNN Chi nhánh tỉnh Thừa Thiên - Huế	CV nghiệp vụ				
3156	18	Hoàng Thanh Long	25/06/1991		NHNN Chi nhánh tỉnh Thừa Thiên - Huế	CV nghiệp vụ				
3157	19	Đặng Nữ Hà Ly		02/04/1985	NHNN Chi nhánh tỉnh Thừa Thiên - Huế	CV nghiệp vụ				
3158	20	Trương Thị Nhật My		17/05/1995	NHNN Chi nhánh tỉnh Thừa Thiên - Huế	CV nghiệp vụ				
3159	21	Đoàn Minh Ngọc	11/02/1990		NHNN Chi nhánh tỉnh Thừa Thiên - Huế	CV nghiệp vụ				
3160	22	Hồ Lê Yến Nhi		12/08/1995	NHNN Chi nhánh tỉnh Thừa Thiên - Huế	CV nghiệp vụ				

SBD	TT	Họ và Tên	Ngày sinh		Đơn vị dự thi	Vị trí	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ			Anh	Tin		
3161	23	Hoàng Thị Quỳnh Như		10/01/1994	NHNN Chi nhánh tỉnh Thừa Thiên - Huế	CV nghiệp vụ				
3162	24	Võ Nguyễn Nam Phương		16/08/1995	NHNN Chi nhánh tỉnh Thừa Thiên - Huế	CV nghiệp vụ				
3163	25	Trần Thị Như Quỳnh		07/10/1991	NHNN Chi nhánh tỉnh Thừa Thiên - Huế	CV nghiệp vụ				
3164	26	Nguyễn Lê Thùy Tiên		03/11/1995	NHNN Chi nhánh tỉnh Thừa Thiên - Huế	CV nghiệp vụ				
3165	27	Lê Trung Tiến	09/09/1988		NHNN Chi nhánh tỉnh Thừa Thiên - Huế	CV nghiệp vụ				
3166	28	Nguyễn Lê Minh Tuyền		25/06/1991	NHNN Chi nhánh tỉnh Thừa Thiên - Huế	CV nghiệp vụ				
3167	29	Dương Thị Minh Thảo		22/01/1992	NHNN Chi nhánh tỉnh Thừa Thiên - Huế	CV nghiệp vụ				
3168	30	Nguyễn Thị Thanh Thủy		14/10/1988	NHNN Chi nhánh tỉnh Thừa Thiên - Huế	CV nghiệp vụ				
3169	31	Nguyễn Trần Anh Thư		23/09/1987	NHNN Chi nhánh tỉnh Thừa Thiên - Huế	CV nghiệp vụ	x			Cử nhân ngoại ngữ
3170	32	Lê Thị Hương Trà		27/04/1986	NHNN Chi nhánh tỉnh Thừa Thiên - Huế	CV nghiệp vụ				
3171	33	Lê Thị Thùy Trang		07/02/1992	NHNN Chi nhánh tỉnh Thừa Thiên - Huế	CV nghiệp vụ				
3172	34	Lê Thị Thùy Trang		03/03/1992	NHNN Chi nhánh tỉnh Thừa Thiên - Huế	CV nghiệp vụ				
3173	35	Nguyễn Như Bảo Trâm		12/11/1991	NHNN Chi nhánh tỉnh Thừa Thiên - Huế	CV nghiệp vụ				
3174	36	Hoàng Thị Diệu Trâm		09/12/1986	NHNN Chi nhánh tỉnh Thừa Thiên - Huế	CV nghiệp vụ				
3175	37	Huỳnh Ngọc Trân	24/8/1992		NHNN Chi nhánh tỉnh Thừa Thiên - Huế	CV nghiệp vụ				
3176	38	Lê Văn Minh Triển	15/01/1991		NHNN Chi nhánh tỉnh Thừa Thiên - Huế	CV nghiệp vụ				
3177	39	Phan Tường Vân		08/02/1988	NHNN Chi nhánh tỉnh Thừa Thiên - Huế	CV nghiệp vụ				
3178	40	Nguyễn Thị Tường Vy		21/11/1986	NHNN Chi nhánh tỉnh Thừa Thiên - Huế	CV nghiệp vụ				

SBD	TT	Họ và tên	Ngày sinh		Đơn vị dự thi	Vị trí	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ			Tin	Anh		
IV. Danh sách thí sinh dự thi vào các chi nhánh thuộc Cụm thi Khánh Hòa										
4001	1	Phạm Thị Thanh An		24/03/1993	NHNN Chi nhánh tỉnh Phú Yên	CV Nghiệp vụ				
4002	2	Huỳnh Thị Hà Ân		03/03/1995	NHNN Chi nhánh tỉnh Phú Yên	CV Nghiệp vụ				
4003	3	Nguyễn Vũ Lan Di		25/12/1990	NHNN Chi nhánh tỉnh Phú Yên	CV Nghiệp vụ				
4004	4	Huỳnh Như Hào		21/01/1994	NHNN Chi nhánh tỉnh Phú Yên	CV Nghiệp vụ				
4005	5	Nguyễn Phụng Hoàng	15/02/1990		NHNN Chi nhánh tỉnh Phú Yên	CV Nghiệp vụ				
4006	6	Nguyễn Thị Thanh Huệ		02/5/1989	NHNN Chi nhánh tỉnh Phú Yên	CV Nghiệp vụ				
4007	7	Trần Mai Huy	23/12/1985		NHNN Chi nhánh tỉnh Phú Yên	CV Nghiệp vụ			x	Con thương binh
4008	8	Trần Thị Thanh Huyền		23/3/1993	NHNN Chi nhánh tỉnh Phú Yên	CV Nghiệp vụ			x	Con bệnh binh
4009	9	Nguyễn Ngọc Thanh		04/10/1989	NHNN Chi nhánh tỉnh Phú Yên	CV Nghiệp vụ				
4010	10	Lê Thị Thuý Kiều		25/10/1994	NHNN Chi nhánh tỉnh Phú Yên	CV Nghiệp vụ				
4011	11	Dương Tấn Khen	24/4/1993		NHNN Chi nhánh tỉnh Phú Yên	CV Nghiệp vụ				
4012	12	Lương Thị Huyền Linh		10/8/1990	NHNN Chi nhánh tỉnh Phú Yên	CV Nghiệp vụ				
4013	13	Nguyễn Quốc Luân	30/12/1993		NHNN Chi nhánh tỉnh Phú Yên	CV Nghiệp vụ				
4014	14	Nguyễn Minh Lý Luận	21/7/1995		NHNN Chi nhánh tỉnh Phú Yên	CV Nghiệp vụ				
4015	15	Thái Tuyết Ngân		15/5/1994	NHNN Chi nhánh tỉnh Phú Yên	CV Nghiệp vụ				
4016	16	Nguyễn Ngọc Kim Ngân		06/05/1993	NHNN Chi nhánh tỉnh Phú Yên	CV Nghiệp vụ				
4017	17	Trương Thị Thanh Nhân		15/5/1991	NHNN Chi nhánh tỉnh Phú Yên	CV Nghiệp vụ				
4018	18	Nguyễn Thị Kiều Nhi		15/11/1992	NHNN Chi nhánh tỉnh Phú Yên	CV Nghiệp vụ				
4019	19	Nguyễn Thị Cẩm Nhung		19/11/1995	NHNN Chi nhánh tỉnh Phú Yên	CV Nghiệp vụ				
4020	20	Nguyễn Thị Kim Oanh		03/02/1988	NHNN Chi nhánh tỉnh Phú Yên	CV Nghiệp vụ			x	Con thương binh
4021	21	Trần Thị Minh Phụng		20/9/1993	NHNN Chi nhánh tỉnh Phú Yên	CV Nghiệp vụ				
4022	22	Đào Lê Phụng		23/9/1995	NHNN Chi nhánh tỉnh Phú Yên	CV Nghiệp vụ				
4023	23	Lê Trần Công Quyền	28/02/1990		NHNN Chi nhánh tỉnh Phú Yên	CV Nghiệp vụ				
4024	24	Nguyễn Thị Như Quỳnh		11/07/1995	NHNN Chi nhánh tỉnh Phú Yên	CV Nghiệp vụ				
4025	25	Lê Thị Bích Tình		09/11/1990	NHNN Chi nhánh tỉnh Phú Yên	CV Nghiệp vụ				
4026	26	Trương Phan Cẩm Tú		14/3/1993	NHNN Chi nhánh tỉnh Phú Yên	CV Nghiệp vụ				
4027	27	Nguyễn Lê Băng Tuyền		12/9/1992	NHNN Chi nhánh tỉnh Phú Yên	CV Nghiệp vụ				

SBD	TT	Họ và tên	Ngày sinh		Đơn vị dự thi	Vị trí	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ			Tin	Anh		
4028	28	Nguyễn Thị Minh Tuyết		02/5/1988	NHNN Chi nhánh tỉnh Phú Yên	CV Nghiệp vụ				
4029	29	Nguyễn Sơn Thạch	19/5/1988		NHNN Chi nhánh tỉnh Phú Yên	CV Nghiệp vụ				
4030	30	Nguyễn Lý Mai Thảo		26/8/1994	NHNN Chi nhánh tỉnh Phú Yên	CV Nghiệp vụ				
4031	31	Nguyễn Thị Hoàng Thảo		25/7/1991	NHNN Chi nhánh tỉnh Phú Yên	CV Nghiệp vụ				
4032	32	Trần Thị Thanh Thoa		24/11/1994	NHNN Chi nhánh tỉnh Phú Yên	CV Nghiệp vụ				
4033	33	Lê Thị Đoan Trang		19/11/1992	NHNN Chi nhánh tỉnh Phú Yên	CV Nghiệp vụ				
4034	34	Ngô Thị Bích Trâm		04/10/1988	NHNN Chi nhánh tỉnh Phú Yên	CV Nghiệp vụ				
4035	35	Hoàng Nguyễn Huyền Trâm		10/04/1991	NHNN Chi nhánh tỉnh Phú Yên	CV Nghiệp vụ				
4036	36	Trần Huyền Trân		28/05/1995	NHNN Chi nhánh tỉnh Phú Yên	CV Nghiệp vụ				
4037	37	Nguyễn Thục Vi		09/09/1992	NHNN Chi nhánh tỉnh Phú Yên	CV Nghiệp vụ				
4038	38	Trần Thị Bích Viên		16/4/1993	NHNN Chi nhánh tỉnh Phú Yên	CV Nghiệp vụ				
4039	39	Nguyễn Thị Thuý Vinh		12/8/1992	NHNN Chi nhánh tỉnh Phú Yên	CV Nghiệp vụ				
4040	1	Nguyễn Thị Thuận Anh		09/11/1987	NHNN chi nhánh tỉnh Ninh Thuận	CV Nghiệp vụ				
4041	2	Nguyễn Quang Anh	10/07/1994		NHNN chi nhánh tỉnh Ninh Thuận	CV Nghiệp vụ		x		Học ĐH bằng tiếng nước ngoài
4042	3	Nguyễn Nhật Chân		21/03/1993	NHNN chi nhánh tỉnh Ninh Thuận	CV Nghiệp vụ				
4043	4	Nguyễn Thái Bảo Huyền		26/01/1995	NHNN chi nhánh tỉnh Ninh Thuận	CV Nghiệp vụ				
4044	5	Trần Thị Trâm Oanh		11/12/1995	NHNN chi nhánh tỉnh Ninh Thuận	CV Nghiệp vụ				
4045	6	Trần Thị Kim Phụng		06/07/1989	NHNN chi nhánh tỉnh Ninh Thuận	CV Nghiệp vụ				
4046	7	Nguyễn Thị Lan Qui		01/11/1989	NHNN chi nhánh tỉnh Ninh Thuận	CV Nghiệp vụ				
4047	8	Hoàng Thị Mỹ Tuyền		25/07/1990	NHNN chi nhánh tỉnh Ninh Thuận	CV Nghiệp vụ				
4048	9	Nguyễn Thị Nhã Trang		09/07/1983	NHNN chi nhánh tỉnh Ninh Thuận	CV Nghiệp vụ			x	Con Bệnh binh
4049	10	Võ Phan Mai Trâm		06/06/1992	NHNN chi nhánh tỉnh Ninh Thuận	CV Nghiệp vụ				
4050	1	Lê Thị Kim Dung		24/11/1993	NHNN Chi nhánh tỉnh Bình Định	CV Nghiệp vụ				
4051	2	Nguyễn Thị Hồng Hạnh		08/01/1994	NHNN Chi nhánh tỉnh Bình Định	CV Nghiệp vụ				
4052	3	Võ Thị Kim Lợi		27/3/1992	NHNN Chi nhánh tỉnh Bình Định	CV Nghiệp vụ				
4053	4	Huỳnh Thị Ty Na		27/6/1992	NHNN Chi nhánh tỉnh Bình Định	CV Nghiệp vụ		x		Cử nhân ngoại ngữ
4054	5	Trần Phương Thanh	05/02/1986		NHNN Chi nhánh tỉnh Bình Định	CV Nghiệp vụ				
4055	6	Khổng Xuân Thắng	03/06/1992		NHNN Chi nhánh tỉnh Bình Định	CV Nghiệp vụ				

SBD	TT	Họ và tên	Ngày sinh		Đơn vị dự thi	Vị trí	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ			Tin	Anh		
4056	7	Nguyễn Thị Xuân Thịnh		3/7/1988	NHNN Chi nhánh tỉnh Bình Định	CV Nghiệp vụ				
4057	8	Nguyễn Thị Xuân Trang		25/6/1992	NHNN Chi nhánh tỉnh Bình Định	CV Nghiệp vụ				
4058	1	Hồ Thị Huyền Anh		17/06/1993	NHNN Chi nhánh tỉnh Khánh Hòa	CV Nghiệp vụ				
4059	2	Hà Tuấn Anh	02/05/1993		NHNN Chi nhánh tỉnh Khánh Hòa	CV Nghiệp vụ				
4060	3	Lê Hoàng Ân	08/04/1991		NHNN Chi nhánh tỉnh Khánh Hòa	CV Nghiệp vụ				
4061	4	Nguyễn Hoài Bảo	12/09/1994		NHNN Chi nhánh tỉnh Khánh Hòa	CV Nghiệp vụ				
4062	5	Đặng Thanh Bình	27/10/1995		NHNN Chi nhánh tỉnh Khánh Hòa	CV Nghiệp vụ				
4063	6	Võ Thị Kim Chi		07/03/1990	NHNN Chi nhánh tỉnh Khánh Hòa	CV Nghiệp vụ				
4064	7	Nguyễn Thị Hoàng		14/03/1989	NHNN Chi nhánh tỉnh Khánh Hòa	CV Nghiệp vụ				
4065	8	Võ Thị Lệ Huyền		10/03/1995	NHNN Chi nhánh tỉnh Khánh Hòa	CV Nghiệp vụ				
4066	9	Nguyễn Hoàng Lan		09/11/1987	NHNN Chi nhánh tỉnh Khánh Hòa	CV Nghiệp vụ		x		Học Thạc sĩ bằng tiếng nước ngoài
4067	10	Nguyễn Quang Minh	09/08/1990		NHNN Chi nhánh tỉnh Khánh Hòa	CV Nghiệp vụ		x		Học Thạc sĩ bằng tiếng nước ngoài
4068	11	Nguyễn Thị Kiều Oanh		12/03/1992	NHNN Chi nhánh tỉnh Khánh Hòa	CV Nghiệp vụ				
4069	12	Nguyễn Linh Pha		04/02/1990	NHNN Chi nhánh tỉnh Khánh Hòa	CV Nghiệp vụ				
4070	13	Nguyễn Đình Quốc	08/10/1994		NHNN Chi nhánh tỉnh Khánh Hòa	CV Nghiệp vụ				
4071	14	Trần Quang Sáng	10/02/1992		NHNN Chi nhánh tỉnh Khánh Hòa	CV Nghiệp vụ				
4072	15	Phạm Thị Tuyền		01/06/1994	NHNN Chi nhánh tỉnh Khánh Hòa	CV Nghiệp vụ				
4073	16	Nguyễn Thị Bích Thảo		25/04/1993	NHNN Chi nhánh tỉnh Khánh Hòa	CV Nghiệp vụ				
4074	17	Lê Minh Thiện	14/11/1992		NHNN Chi nhánh tỉnh Khánh Hòa	CV Nghiệp vụ				
4075	18	Lý Trúc Viên Trân		16/08/1994	NHNN Chi nhánh tỉnh Khánh Hòa	CV Nghiệp vụ				
4076	1	Hà Thị An		10/11/1986	NHNN Chi nhánh tỉnh Bình Thuận	CV Nghiệp vụ		x		Cử nhân ngoại ngữ
4077	2	Trần Nữ Lê Anh		20/02/1993	NHNN Chi nhánh tỉnh Bình Thuận	CV Nghiệp vụ				
4078	3	Trần Bích Hà		06/10/1995	NHNN Chi nhánh tỉnh Bình Thuận	CV Nghiệp vụ				
4079	4	Lê Vũ Hội	05/10/1991		NHNN Chi nhánh tỉnh Bình Thuận	CV Nghiệp vụ				
4080	5	Võ Thị Hà Phương		05/10/1989	NHNN Chi nhánh tỉnh Bình Thuận	CV Nghiệp vụ			x	Con thương binh
4081	6	Huỳnh Duy Tiến	29/09/1985		NHNN Chi nhánh tỉnh Bình Thuận	CV Nghiệp vụ				
4082	7	Trần Quang Tùng	20/01/1993		NHNN Chi nhánh tỉnh Bình Thuận	CV Nghiệp vụ				
4083	8	Nguyễn Tường Vinh	09/04/1994		NHNN Chi nhánh tỉnh Bình Thuận	CV Nghiệp vụ				
4084	9	Trần Thạch Uyên Vy		19/06/1991	NHNN Chi nhánh tỉnh Bình Thuận	CV Nghiệp vụ				

SBD	TT	Họ và tên	Ngày sinh		Đơn vị dự thi	Vị trí	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ			Tin	Anh		
V. Danh sách thí sinh dự thi vào các chi nhánh thuộc Cụm thi Hồ Chí Minh										
5001	1	Nguyễn Thị Hạnh Dung		19/07/1988	Cục TTTGSNH TP. Hồ Chí Minh	CV Nghiệp vụ				
5002	2	Võ Khánh Dương	16/07/1992		Cục TTTGSNH TP. Hồ Chí Minh	CV Nghiệp vụ				
5003	3	Cao Trường Giang	25/10/1993		Cục TTTGSNH TP. Hồ Chí Minh	CV Nghiệp vụ				
5004	4	Hoàng Hữu Hải	02/10/1990		Cục TTTGSNH TP. Hồ Chí Minh	CV Nghiệp vụ				
5005	5	Từ Thị Hạnh		16/01/1989	Cục TTTGSNH TP. Hồ Chí Minh	CV Nghiệp vụ		x		Học Thạc sĩ bằng tiếng nước ngoài
5006	6	Trần Thị Phúc Hậu		14/03/1991	Cục TTTGSNH TP. Hồ Chí Minh	CV Nghiệp vụ				
5007	7	Trần Quốc Khánh	31/08/1985		Cục TTTGSNH TP. Hồ Chí Minh	CV Nghiệp vụ		x		Học Thạc sĩ bằng tiếng nước ngoài
5008	8	Huỳnh Thanh Nam	01/12/1992		Cục TTTGSNH TP. Hồ Chí Minh	CV Nghiệp vụ				
5009	9	Nguyễn Hoàng Ngân		02/01/1995	Cục TTTGSNH TP. Hồ Chí Minh	CV Nghiệp vụ				
5010	10	Đào Yến Phương		16/10/1989	Cục TTTGSNH TP. Hồ Chí Minh	CV Nghiệp vụ				
5011	11	Bùi Minh Quyết	04/01/1990		Cục TTTGSNH TP. Hồ Chí Minh	CV Nghiệp vụ				
5012	12	Nguyễn Ngọc Sơn	10/04/1992		Cục TTTGSNH TP. Hồ Chí Minh	CV Nghiệp vụ				
5013	13	Trần Hồng Sơn	05/12/1990		Cục TTTGSNH TP. Hồ Chí Minh	CV Nghiệp vụ				
5014	14	Văn Thị Vân		22/02/1989	Cục TTTGSNH TP. Hồ Chí Minh	CV Nghiệp vụ				
5015	15	Nguyễn Thị Hải Vân		08/07/1989	Cục TTTGSNH TP. Hồ Chí Minh	CV Nghiệp vụ				
5016	16	Đinh Thị Huyền Vy		24/05/1993	Cục TTTGSNH TP. Hồ Chí Minh	CV Nghiệp vụ				
5017	17	Lê Thị Yến		25/11/1989	Cục TTTGSNH TP. Hồ Chí Minh	CV Nghiệp vụ				
5018	18	Phạm Thị Ánh Tuyết		28/10/1991	Cục TTTGSNH TP. Hồ Chí Minh	Kỹ sư CNTT	x			Cử nhân Tin học
5019	1	Nguyễn Thị Thanh Bình		13/05/1995	Chi cục Phát hành và Kho quỹ	CV Nghiệp vụ				
5020	2	Nguyễn Thị Thanh Thảo		25/01/1994	Chi cục Phát hành và Kho quỹ	CV Nghiệp vụ				
5021	3	Đoàn Lệ Hằng		03/12/1989	Chi cục Phát hành và Kho quỹ	CV Kế toán, Kiểm toán				
5022	4	Thân Huỳnh Kim Thủy		11/03/1988	Chi cục Phát hành và Kho quỹ	CV Kế toán, Kiểm toán				
5023	5	Trần Thị Thu Trinh		21/01/1991	Chi cục Phát hành và Kho quỹ	CV Kế toán, Kiểm toán				
5024	6	Vương Thiệu Vy		25/12/1990	Chi cục Phát hành và Kho quỹ	CV Kế toán, Kiểm toán				
5025	1	Đinh Thị Tú Anh		14/08/1992	NHNN Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	CV Kế toán, Kiểm toán		x		Cử nhân ngoại ngữ

SBD	TT	Họ và tên		Ngày sinh		Đơn vị dự thi	Vị trí	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
				Nam	Nữ			Tin	Anh		
5026	2	Đoàn Thị Tú	Anh		20/02/1991	NHNN Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	CV Kế toán, Kiểm toán				
5027	3	Cao Ngọc	Đức	07/04/1994		NHNN Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	CV Kế toán, Kiểm toán				
5028	4	Đặng Thị	Hằng		15/01/1990	NHNN Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	CV Kế toán, Kiểm toán				
5029	5	Phạm Diệu	Linh		07/11/1992	NHNN Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	CV Kế toán, Kiểm toán				
5030	6	Nguyễn Thanh Trà	My		04/02/1992	NHNN Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	CV Kế toán, Kiểm toán				
5031	7	Ngô Lan	Phương		13/10/1990	NHNN Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	CV Kế toán, Kiểm toán		x		Học Đại học bằng tiếng nước ngoài
5032	8	Nguyễn Thị	Trang		06/03/1991	NHNN Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	CV Kế toán, Kiểm toán				
5033	9	Trần Hải	Yến		20/11/1993	NHNN Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	CV Kế toán, Kiểm toán			x	Con Bệnh binh
5034	10	Hà Tuấn	Anh	02/05/1993		NHNN Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	CV Nghiệp vụ				
5035	11	Nguyễn Thị Kim	Dung		07/07/1992	NHNN Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	CV Nghiệp vụ				
5036	12	Võ Thị Quỳnh	Giang		12/12/1985	NHNN Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	CV Nghiệp vụ				
5037	13	Huỳnh Thị Xuân	Hồng		24/12/1986	NHNN Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	CV Nghiệp vụ				
5038	14	Trần Thị Xuân	Hương		20/02/1991	NHNN Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	CV Nghiệp vụ				
5039	15	Nguyễn Ngọc Phương	Linh		20/05/1993	NHNN Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	CV Nghiệp vụ				
5040	16	Phan Thị Mỹ	Loan		20/02/1990	NHNN Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	CV Nghiệp vụ				
5041	17	Hoàng Đức	Mạnh	02/02/1993		NHNN Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	CV Nghiệp vụ				
5042	18	Nguyễn Thị Huỳnh	Mi		27/09/1989	NHNN Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	CV Nghiệp vụ				
5043	19	Trần Ngọc Huyền	Mi		02/08/1994	NHNN Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	CV Nghiệp vụ				
5044	20	Nguyễn Thị Hồng	Nguyên		26/06/1986	NHNN Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	CV Nghiệp vụ				
5045	21	Trịnh Thị Bích	Nhung		15/04/1989	NHNN Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	CV Nghiệp vụ				
5046	22	Nguyễn Thanh	Phong	01/01/1993		NHNN Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	CV Nghiệp vụ				
5047	23	Võ Thị Hồng	Phước		29/03/1993	NHNN Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	CV Nghiệp vụ				
5048	24	Phạm Thị Thúy	Quyên		28/8/1991	NHNN Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	CV Nghiệp vụ				
5049	25	Nguyễn Mỹ	Tiên		19/12/1988	NHNN Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	CV Nghiệp vụ				
5050	26	Lại Ngọc Bảo	Toàn	08/02/1993		NHNN Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	CV Nghiệp vụ				

SBD	TT	Họ và tên		Ngày sinh		Đơn vị dự thi	Vị trí	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
				Nam	Nữ			Tin	Anh		
5051	27	Nguyễn Trương Thanh	Thảo		20/10/1991	NHNN Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	CV Nghiệp vụ		x		Cử nhân ngoại ngữ
5052	28	Hồ Phương	Thảo		04/11/1992	NHNN Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	CV Nghiệp vụ				
5053	29	Nguyễn Minh	Thông	17/09/1991		NHNN Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	CV Nghiệp vụ				
5054	30	Nguyễn Thị Diệu	Thùy		24/09/1995	NHNN Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	CV Nghiệp vụ				
5055	31	Lê Thùy	Thương		25/12/1994	NHNN Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	CV Nghiệp vụ				
5056	32	Bùi Thị Việt	Trinh		20/02/1992	NHNN Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	CV Nghiệp vụ				
5057	33	Phạm Hoàng	Việt	16/11/1994		NHNN Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	CV Nghiệp vụ				
5058	34	Trần Hữu	Nam	15/11/1987		NHNN Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	Kỹ sư CNTT	x			Cử nhân Tin học
5059	35	Bùi Quang	Đạt	31/03/1988		NHNN Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	Kỹ sư CNTT	x			Cử nhân Tin học
5060	36	Lê Đức	Mạnh	24/06/1993		NHNN Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	Kỹ sư CNTT	x			Cử nhân Tin học
5061	37	Nguyễn Phạm Vạn	Quyên	17/12/1988		NHNN Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	Kỹ sư CNTT	x	x		Cử nhân Tin học, Học Đại học bằng tiếng nước ngoài
5062	1	Lê Ngân	Hà		11/03/1993	NHNN Chi nhánh tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	CV Nghiệp vụ		x		Học Đại học bằng tiếng nước ngoài
5063	2	Tô Yến	Nga		14/04/1987	NHNN Chi nhánh tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	CV Nghiệp vụ		x		Cử nhân ngoại ngữ
5064	3	Phạm Thị Tố	Tâm		10/06/1990	NHNN Chi nhánh tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	CV Nghiệp vụ		x		Cử nhân ngoại ngữ
5065	1	Phạm Thị Nguyên	Anh		25/10/1991	NHNN Chi nhánh tỉnh Bình Dương	CV Nghiệp vụ			x	Con thương binh
5066	2	Hồ Ngọc Phương	Dung		21/9/1995	NHNN Chi nhánh tỉnh Bình Dương	CV Nghiệp vụ				
5067	3	Trần Võ Tùng	Dương	06/12/1991		NHNN Chi nhánh tỉnh Bình Dương	CV Nghiệp vụ				
5068	4	Đỗ Quang	Đức	14/01/1993		NHNN Chi nhánh tỉnh Bình Dương	CV Nghiệp vụ				
5069	5	Nguyễn Minh	Hoàng	28/03/1987		NHNN Chi nhánh tỉnh Bình Dương	CV Nghiệp vụ	x		x	Cao đẳng Tin; Quân nhân xuất ngũ
5070	6	Nguyễn Thị Thu	Hương		27/8/1989	NHNN Chi nhánh tỉnh Bình Dương	CV Nghiệp vụ				
5071	7	Trần Thị Anh	Lam		01/03/1992	NHNN Chi nhánh tỉnh Bình Dương	CV Nghiệp vụ				
5072	8	Lê Thị Thảo	Lưu		01/04/1992	NHNN Chi nhánh tỉnh Bình Dương	CV Nghiệp vụ				
5073	9	Trịnh Thị	Mai		21/8/1994	NHNN Chi nhánh tỉnh Bình Dương	CV Nghiệp vụ				
5074	10	Đinh Ngọc	Mai		12/09/1989	NHNN Chi nhánh tỉnh Bình Dương	CV Nghiệp vụ				
5075	11	Lê Thị	Nghĩa		10/02/1990	NHNN Chi nhánh tỉnh Bình Dương	CV Nghiệp vụ				

SBD	TT	Họ và tên		Ngày sinh		Đơn vị dự thi	Vị trí	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
				Nam	Nữ			Tin	Ảnh		
5076	12	Phan Trọng	Nhân	16/2/1989		NHNN Chi nhánh tỉnh Bình Dương	CV Nghiệp vụ			x	Quân nhân xuất ngũ
5077	13	Chế Huyền	Nhung		03/11/1991	NHNN Chi nhánh tỉnh Bình Dương	CV Nghiệp vụ				
5078	14	Trần Phạm Tuyết	Phượng		12/10/1988	NHNN Chi nhánh tỉnh Bình Dương	CV Nghiệp vụ				
5079	15	Nguyễn Phúc	Thành	31/01/1994		NHNN Chi nhánh tỉnh Bình Dương	CV Nghiệp vụ				
5080	16	Đặng Thị Hoài	Thương		30/7/1994	NHNN Chi nhánh tỉnh Bình Dương	CV Nghiệp vụ				
5081	17	Mai Thị Nguyệt	Hằng		27/10/1993	NHNN Chi nhánh tỉnh Bình Dương	CV Kế toán, Kiểm toán				
5082	18	Nguyễn Bảo	Hoài		29/7/1991	NHNN Chi nhánh tỉnh Bình Dương	CV Kế toán, Kiểm toán				
5083	19	Nguyễn Thị Cẩm	Ngọc		07/07/1987	NHNN Chi nhánh tỉnh Bình Dương	CV Kế toán, Kiểm toán				
5084	20	Nguyễn Mạnh	Phi	23/10/1992		NHNN Chi nhánh tỉnh Bình Dương	CV Kế toán, Kiểm toán				
5085	21	Trần Phương	Thảo		24/7/1992	NHNN Chi nhánh tỉnh Bình Dương	CV Kế toán, Kiểm toán				
5086	22	Nguyễn Thị Thu	Thảo		11/06/1992	NHNN Chi nhánh tỉnh Bình Dương	CV Kế toán, Kiểm toán				
5087	23	Nguyễn Thị	Vân		16/1/1989	NHNN Chi nhánh tỉnh Bình Dương	CV Kế toán, Kiểm toán			x	Con bệnh binh
5088	1	Nguyễn Thị Thúy	An		31/5/1987	NHNN Chi nhánh tỉnh Tiền Giang	CV Nghiệp vụ				
5089	2	Trần Minh	Cường	20/11/1988		NHNN Chi nhánh tỉnh Tiền Giang	CV Nghiệp vụ				
5090	3	Nguyễn Văn	Chí	20/4/1990		NHNN Chi nhánh tỉnh Tiền Giang	CV Nghiệp vụ				
5091	4	Phạm Phương	Duyên		14/9/1990	NHNN Chi nhánh tỉnh Tiền Giang	CV Nghiệp vụ				
5092	5	Nguyễn Tấn	Đạt	30/6/1974		NHNN Chi nhánh tỉnh Tiền Giang	CV Nghiệp vụ	x	x		Cử nhân Tin học, ngoại ngữ
5093	6	Bùi Vũ Tiến	Đạt	10/10/1995		NHNN Chi nhánh tỉnh Tiền Giang	CV Nghiệp vụ				
5094	7	Thái Trần Tuấn	Đạt	08/10/1992		NHNN Chi nhánh tỉnh Tiền Giang	CV Nghiệp vụ				
5095	8	Lý Hải	Đăng	25/06/1994		NHNN Chi nhánh tỉnh Tiền Giang	CV Nghiệp vụ				
5096	9	Nguyễn Minh	Huy	05/02/1989		NHNN Chi nhánh tỉnh Tiền Giang	CV Nghiệp vụ				
5097	10	Huỳnh Ngọc	Huyền		20/11/1990	NHNN Chi nhánh tỉnh Tiền Giang	CV Nghiệp vụ				
5098	11	Võ Huỳnh Bá	Lộc	22/7/1991		NHNN Chi nhánh tỉnh Tiền Giang	CV Nghiệp vụ				
5099	12	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn		13/03/1987	NHNN Chi nhánh tỉnh Tiền Giang	CV Nghiệp vụ				
5100	13	Tạ Thị Trúc	Nhi		06/12/1986	NHNN Chi nhánh tỉnh Tiền Giang	CV Nghiệp vụ				
5101	14	Lương Huỳnh	Phúc	19/02/1991		NHNN Chi nhánh tỉnh Tiền Giang	CV Nghiệp vụ				

SBD	TT	Họ và tên	Ngày sinh		Đơn vị dự thi	Vị trí	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ			Tin	Anh		
5102	15	Mai Huỳnh Thanh Phương	10/08/1987		NHNN Chi nhánh tỉnh Tiền Giang	CV Nghiệp vụ				
5103	16	Quách Minh Tâm	28/6/1993		NHNN Chi nhánh tỉnh Tiền Giang	CV Nghiệp vụ				
5104	17	Nguyễn Thị Ánh Tuyết		25/4/1985	NHNN Chi nhánh tỉnh Tiền Giang	CV Nghiệp vụ				
5105	18	Huỳnh Thị Hồng Thắm		04/11/1992	NHNN Chi nhánh tỉnh Tiền Giang	CV Nghiệp vụ				
5106	19	Nguyễn Thị Lệ Thu		08/12/1985	NHNN Chi nhánh tỉnh Tiền Giang	CV Nghiệp vụ				
5107	20	Nguyễn Ngọc Minh Thư		03/10/1993	NHNN Chi nhánh tỉnh Tiền Giang	CV Nghiệp vụ				
5108	21	Nguyễn Thị Thúy Trang		08/04/1990	NHNN Chi nhánh tỉnh Tiền Giang	CV Nghiệp vụ				
5109	22	Nguyễn Thị Ngọc Trân		30/05/1994	NHNN Chi nhánh tỉnh Tiền Giang	CV Nghiệp vụ				
5110	23	Ngô Thị Thúy Vy		05/02/1995	NHNN Chi nhánh tỉnh Tiền Giang	CV Nghiệp vụ				
5111	1	Nguyễn Thị Tuyết Anh		1/8/1992	NHNN Chi nhánh tỉnh Long An	CV Nghiệp vụ				
5112	2	Trương Thị Ngọc Bích		25/5/1986	NHNN Chi nhánh tỉnh Long An	CV Nghiệp vụ				
5113	3	Hồ Kim Châu		22/2/1994	NHNN Chi nhánh tỉnh Long An	CV Nghiệp vụ				
5114	4	Uông Trường Khánh	12/4/1993		NHNN Chi nhánh tỉnh Long An	CV Nghiệp vụ				
5115	5	Huỳnh Đăng Khoa	8/9/1988		NHNN Chi nhánh tỉnh Long An	CV Nghiệp vụ				
5116	6	Trần Hồng Ngọc		25/12/1987	NHNN Chi nhánh tỉnh Long An	CV Nghiệp vụ				
5117	7	Nguyễn Phạm Thảo Nguyên		10/3/1992	NHNN Chi nhánh tỉnh Long An	CV Nghiệp vụ				
5118	8	Nguyễn Thị Cẩm Nhung		24/6/1988	NHNN Chi nhánh tỉnh Long An	CV Nghiệp vụ				
5119	9	Lê Hải Phú	01/01/1993		NHNN Chi nhánh tỉnh Long An	CV Nghiệp vụ				
5120	10	Trần Thị Ngọc Phương		01/08/1986	NHNN Chi nhánh tỉnh Long An	CV Nghiệp vụ				
5121	11	Huỳnh Thị Mai Thanh		26/8/1989	NHNN Chi nhánh tỉnh Long An	CV Nghiệp vụ				
5122	12	Trần Minh Thư		7/1/1991	NHNN Chi nhánh tỉnh Long An	CV Nghiệp vụ				
5123	13	Nguyễn Thị Thùy Trang		5/2/1990	NHNN Chi nhánh tỉnh Long An	CV Nghiệp vụ				
5124	14	Nguyễn Thị Phương Trinh		1/6/1994	NHNN Chi nhánh tỉnh Long An	CV Nghiệp vụ				
5125	15	Trần Văn Trung	1/5/1988		NHNN Chi nhánh tỉnh Long An	CV Nghiệp vụ				
5126	16	Phạm Thị Thùy Vân		16/9/1994	NHNN Chi nhánh tỉnh Long An	CV Nghiệp vụ				
5127	1	Nguyễn Phú Khánh Duy	18/05/1993		NHNN Chi nhánh tỉnh Tây Ninh	CV Nghiệp vụ				
5128	2	Trần Thị Minh Loan		28/10/1991	NHNN Chi nhánh tỉnh Tây Ninh	CV Nghiệp vụ				
5129	3	Nguyễn Thị Thùy Tiên		22/02/1988	NHNN Chi nhánh tỉnh Tây Ninh	CV Nghiệp vụ				
5130	4	Lê Hoàng Anh Thư		30/07/1993	NHNN Chi nhánh tỉnh Tây Ninh	CV Nghiệp vụ				

SBD	TT	Họ và tên	Ngày sinh		Đơn vị dự thi	Vị trí	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ			Tin	Anh		
VI. Danh sách thí sinh dự thi vào các chi nhánh thuộc Cụm thi Cần Thơ										
6001	1	Nguyễn Bình An	17/01/1993		NHNN Chi nhánh tỉnh Cà Mau	CV Nghiệp vụ				
6002	2	Tô Thị Duyên		03/05/1994	NHNN Chi nhánh tỉnh Cà Mau	CV Nghiệp vụ				
6003	3	Trần Thị Bích Kiều		18/11/1986	NHNN Chi nhánh tỉnh Cà Mau	CV Nghiệp vụ		x		Cử nhân ngoại ngữ
6004	4	Lê Tiến Lên	26/02/1990		NHNN Chi nhánh tỉnh Cà Mau	CV Nghiệp vụ				
6005	5	Nguyễn Tiểu Linh		07/07/1992	NHNN Chi nhánh tỉnh Cà Mau	CV Nghiệp vụ				
6006	6	Tại Chí Linh	17/12/1993		NHNN Chi nhánh tỉnh Cà Mau	CV Nghiệp vụ				
6007	7	Trần Hồng Mai		27/10/1995	NHNN Chi nhánh tỉnh Cà Mau	CV Nghiệp vụ				
6008	8	Nguyễn Lê Hồng		20/9/1992	NHNN Chi nhánh tỉnh Cà Mau	CV Nghiệp vụ				
6009	9	Hồ Thị Cẩm Nhung		16/01/1989	NHNN Chi nhánh tỉnh Cà Mau	CV Nghiệp vụ				
6010	10	Lâm Thanh Quang	27/03/1991		NHNN Chi nhánh tỉnh Cà Mau	CV Nghiệp vụ				
6011	11	Tô Thị Cẩm Tú		03/05/1988	NHNN Chi nhánh tỉnh Cà Mau	CV Nghiệp vụ				
6012	12	Nguyễn Trí Tuệ	14/8/1990		NHNN Chi nhánh tỉnh Cà Mau	CV Nghiệp vụ				
6013	13	Phạm Hồng Thắm		17/5/1989	NHNN Chi nhánh tỉnh Cà Mau	CV Nghiệp vụ				
6014	14	Phạm Kiều Trang		08/05/1990	NHNN Chi nhánh tỉnh Cà Mau	CV Nghiệp vụ				
6015	15	Trần Như Ý		06/06/1994	NHNN Chi nhánh tỉnh Cà Mau	CV Nghiệp vụ				
6016	1	Văn Mỹ Hạnh		02/09/1982	NHNN Chi nhánh tỉnh An Giang	CV Kế toán, Kiểm toán				
6017	2	Lê Nguyễn Minh Khiết	05/07/1989		NHNN Chi nhánh tỉnh An Giang	CV Kế toán, Kiểm toán				
6018	3	Trần Thị Yến Nhi		21/05/1995	NHNN Chi nhánh tỉnh An Giang	CV Kế toán, Kiểm toán				
6019	4	Trương Thanh Tùng	04/04/1988		NHNN Chi nhánh tỉnh An Giang	CV Kế toán, Kiểm toán				
6020	5	Nguyễn Đặng Đăng Ngân		22/12/1994	NHNN Chi nhánh tỉnh An Giang	CV Kế toán, Kiểm toán				
6021	6	Vương Bích Phượng		30/01/1995	NHNN Chi nhánh tỉnh An Giang	CV Kế toán, Kiểm toán				
6022	7	Hồ Thị Anh Thư		01/11/1984	NHNN Chi nhánh tỉnh An Giang	CV Kế toán, Kiểm toán	x			Cử nhân Tin học
6023	8	Nguyễn Thị Ngọc Chi		03/08/1993	NHNN Chi nhánh tỉnh An Giang	CV Nghiệp vụ				
6024	9	Lê Thị Ngọc Chúc		01/01/1993	NHNN Chi nhánh tỉnh An Giang	CV Nghiệp vụ				

SBD	TT	Họ và tên	Ngày sinh		Đơn vị dự thi	Vị trí	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ			Tin	Anh		
6025	10	Nguyễn Tuấn Duy	27/02/1992		NHNN Chi nhánh tỉnh An Giang	CV Nghiệp vụ				
6026	11	Phạm Văn Đứng	18/04/1994		NHNN Chi nhánh tỉnh An Giang	CV Nghiệp vụ				
6027	12	Nguyễn Hoàng Giang	25/02/1995		NHNN Chi nhánh tỉnh An Giang	CV Nghiệp vụ				
6028	13	Cao Ngân Giang	25/06/1989		NHNN Chi nhánh tỉnh An Giang	CV Nghiệp vụ				
6029	14	Ngô Minh Giang	03/02/1989		NHNN Chi nhánh tỉnh An Giang	CV Nghiệp vụ				
6030	15	Nguyễn Thái Hiền		07/02/1993	NHNN Chi nhánh tỉnh An Giang	CV Nghiệp vụ				
6031	16	Trần Trung Huy	13/02/1995		NHNN Chi nhánh tỉnh An Giang	CV Nghiệp vụ				
6032	17	Bùi Thanh Huy	21/11/1992		NHNN Chi nhánh tỉnh An Giang	CV Nghiệp vụ				
6033	18	Trương Thị Xuân Kiều		17/01/1995	NHNN Chi nhánh tỉnh An Giang	CV Nghiệp vụ				
6034	19	Bùi Hoàng Diễm Khánh		28/08/1991	NHNN Chi nhánh tỉnh An Giang	CV Nghiệp vụ				
6035	20	Phạm Đăng Khoa	06/08/1990		NHNN Chi nhánh tỉnh An Giang	CV Nghiệp vụ				
6036	21	Lê Thụy Lam		04/05/1994	NHNN Chi nhánh tỉnh An Giang	CV Nghiệp vụ				
6037	22	Đoàn Cao Lễ		31/07/1994	NHNN Chi nhánh tỉnh An Giang	CV Nghiệp vụ				
6038	23	Trương Thị Thu Liên		06/05/1988	NHNN Chi nhánh tỉnh An Giang	CV Nghiệp vụ				
6039	24	Lê Thị Cẩm Loan		05/02/1992	NHNN Chi nhánh tỉnh An Giang	CV Nghiệp vụ				
6040	25	Trần Đoàn Ngọc Lý		31/08/1995	NHNN Chi nhánh tỉnh An Giang	CV Nghiệp vụ				
6041	26	Nguyễn Thị Diễm My		07/01/1993	NHNN Chi nhánh tỉnh An Giang	CV Nghiệp vụ				
6042	27	Lê Thị Thùy My		18/06/1995	NHNN Chi nhánh tỉnh An Giang	CV Nghiệp vụ				
6043	28	Lê Thị Tuyết Nga		01/01/1989	NHNN Chi nhánh tỉnh An Giang	CV Nghiệp vụ				
6044	29	Nguyễn Thị Bảo Ngọc		06/02/1993	NHNN Chi nhánh tỉnh An Giang	CV Nghiệp vụ				
6045	30	Phan Thanh Kim Ngọc		13/10/1990	NHNN Chi nhánh tỉnh An Giang	CV Nghiệp vụ				
6046	31	Trần Nguyễn	14/03/1990		NHNN Chi nhánh tỉnh An Giang	CV Nghiệp vụ				
6047	32	Lê Thị Minh Nguyệt		05/09/1995	NHNN Chi nhánh tỉnh An Giang	CV Nghiệp vụ				
6048	33	Phan Yến Nhi		26/01/1992	NHNN Chi nhánh tỉnh An Giang	CV Nghiệp vụ				

SBD	TT	Họ và tên	Ngày sinh		Đơn vị dự thi	Vị trí	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ			Tin	Anh		
6049	34	Nguyễn Tấn Phát	13/02/1993		NHNN Chi nhánh tỉnh An Giang	CV Nghiệp vụ				
6050	35	Nguyễn Minh Phúc	13/12/1986		NHNN Chi nhánh tỉnh An Giang	CV Nghiệp vụ				
6051	36	Trần Thị Hồng Phương		27/06/1993	NHNN Chi nhánh tỉnh An Giang	CV Nghiệp vụ				
6052	37	Trương Nhật Hoàng Yến		17/08/1990	NHNN Chi nhánh tỉnh An Giang	CV Nghiệp vụ				
6053	38	Nguyễn Thị Như Quỳnh		13/02/1995	NHNN Chi nhánh tỉnh An Giang	CV Nghiệp vụ				
6054	39	Lê Cao Sơn	09/01/1992		NHNN Chi nhánh tỉnh An Giang	CV Nghiệp vụ				
6055	40	Nguyễn Thị Thanh Tâm		04/07/1995	NHNN Chi nhánh tỉnh An Giang	CV Kế toán, Kiểm toán				
6056	41	Nguyễn Thị Ngọc Tuyền		30/06/1988	NHNN Chi nhánh tỉnh An Giang	CV Nghiệp vụ				
6057	42	Mai Ngọc Phương Thanh		15/01/1989	NHNN Chi nhánh tỉnh An Giang	CV Nghiệp vụ				
6058	43	Đặng Thị Phương Thảo		27/05/1995	NHNN Chi nhánh tỉnh An Giang	CV Nghiệp vụ				
6059	44	Nguyễn Thị Xuân Thắm		06.8.1994	NHNN Chi nhánh tỉnh An Giang	CV Nghiệp vụ				
6060	45	Trần Thị Thanh Thúy		28/07/1987	NHNN Chi nhánh tỉnh An Giang	CV Nghiệp vụ				
6061	46	Nguyễn Thị Anh Thu		13/04/1988	NHNN Chi nhánh tỉnh An Giang	CV Nghiệp vụ				
6062	47	Nguyễn Ngọc Phương Trang		27/05/1995	NHNN Chi nhánh tỉnh An Giang	CV Nghiệp vụ				
6063	48	Lê Hoàng Triệu		28/05/1995	NHNN Chi nhánh tỉnh An Giang	CV Nghiệp vụ				
6064	49	Nguyễn Ngọc Trinh		28/04/1991	NHNN Chi nhánh tỉnh An Giang	CV Nghiệp vụ				
6065	50	Phan Huỳnh Vững	14/06/1990		NHNN Chi nhánh tỉnh An Giang	CV Nghiệp vụ				
6066	51	Bùi Thế Vy	19/01/1989		NHNN Chi nhánh tỉnh An Giang	CV Nghiệp vụ			x	Sĩ quan dự bị cấp Thiếu Úy
6067	52	Trần Thanh Xuân		14/02/1995	NHNN Chi nhánh tỉnh An Giang	CV Nghiệp vụ				
6068	53	Nguyễn Thị Ngọc Yến		18/10/1994	NHNN Chi nhánh tỉnh An Giang	CV Nghiệp vụ				
6069	54	Ngô Tứ Đạt	01/03/1989		NHNN Chi nhánh tỉnh An Giang	Kỹ sư CNTT	x			Cử nhân Tin học
6070	55	Nguyễn Hoài Giang	29/08/1986		NHNN Chi nhánh tỉnh An Giang	Kỹ sư CNTT	x		x	Cử nhân Tin học; Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học
6071	56	Nguyễn Thái Huy	02/08/1994		NHNN Chi nhánh tỉnh An Giang	Kỹ sư CNTT	x			Cử nhân Tin học

SBD	TT	Họ và tên		Ngày sinh		Đơn vị dự thi	Vị trí	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
				Nam	Nữ			Tin	Anh		
6072	57	Mai Đăng Khoa		24/09/1986		NHNN Chi nhánh tỉnh An Giang	Kỹ sư CNTT	x			Cử nhân Tin học
6073	58	Nguyễn Văn Nhã		26/05/1991		NHNN Chi nhánh tỉnh An Giang	Kỹ sư CNTT	x			Cử nhân Tin học
6074	59	Nguyễn Văn Vững		1983		NHNN Chi nhánh tỉnh An Giang	Kỹ sư CNTT	x			Cử nhân Tin học
6075	1	Trần Thị Hoàng Anh			13/09/1993	NHNN Chi nhánh tỉnh Kiên Giang	CV Nghiệp vụ				
6076	2	Nguyễn Thanh Duy		18/05/1993		NHNN Chi nhánh tỉnh Kiên Giang	CV Nghiệp vụ				
6077	3	Nguyễn Duy Đăng		30/04/1992		NHNN Chi nhánh tỉnh Kiên Giang	CV Nghiệp vụ				
6078	4	Lê Thu Hà			02/04/1993	NHNN Chi nhánh tỉnh Kiên Giang	CV Nghiệp vụ				
6079	5	Lý Thị Kiều Loan			19/03/1993	NHNN Chi nhánh tỉnh Kiên Giang	CV Nghiệp vụ				
6080	6	Huỳnh Thúc Phú Long		08/02/1988		NHNN Chi nhánh tỉnh Kiên Giang	CV Nghiệp vụ				
6081	7	Ngô Thị Kim Ngân			16/05/1992	NHNN Chi nhánh tỉnh Kiên Giang	CV Nghiệp vụ				
6082	8	Nguyễn Trung Tuấn		04/02/1990		NHNN Chi nhánh tỉnh Kiên Giang	CV Nghiệp vụ				
6083	9	Trần Thị Hồng Thắng			12/02/1993	NHNN Chi nhánh tỉnh Kiên Giang	CV Nghiệp vụ				
6084	10	Trương Thị Huyền Trang			10/08/1990	NHNN Chi nhánh tỉnh Kiên Giang	CV Nghiệp vụ				
6085	11	Phù Văn Phương		13/09/1985		NHNN Chi nhánh tỉnh Kiên Giang	CV Kế toán, Kiểm toán				
6086	12	Trần Ngọc Hạnh			09/02/1984	NHNN Chi nhánh tỉnh Kiên Giang	CV Kế toán, Kiểm toán				
6087	13	Vũ Phước Linh			16/11/1992	NHNN Chi nhánh tỉnh Kiên Giang	CV Kế toán, Kiểm toán				
6088	14	Châu Thị Như Thủy			14/02/1991	NHNN Chi nhánh tỉnh Kiên Giang	CV Kế toán, Kiểm toán				
6089	15	Nguyễn Minh Thủy			28/10/1985	NHNN Chi nhánh tỉnh Kiên Giang	CV Kế toán, Kiểm toán		x		Cử nhân ngoại ngữ
6090	16	Trần Vũ Ngọc Thương			08/11/1990	NHNN Chi nhánh tỉnh Kiên Giang	CV Kế toán, Kiểm toán				
6091	17	Phạm Thị Ngọc Trang			21/03/1989	NHNN Chi nhánh tỉnh Kiên Giang	CV Kế toán, Kiểm toán			x	Con thương binh
6092	18	Phạm Thị Thu Trang			18/02/1988	NHNN Chi nhánh tỉnh Kiên Giang	CV Kế toán, Kiểm toán			x	Con thương binh
6093	1	Trần Thị Quỳnh Anh			03/3/1994	NHNN Chi nhánh tỉnh Bến Tre	CV Nghiệp vụ				

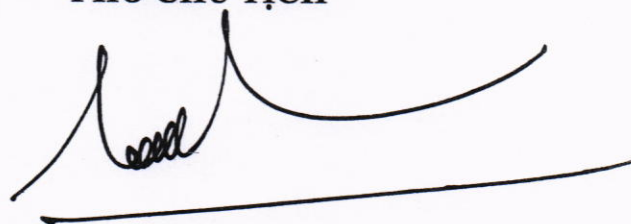
SBD	TT	Họ và tên	Ngày sinh		Đơn vị dự thi	Vị trí	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ			Tin	Anh		
6094	2	Lương Thị Kim Cương		05/4/1991	NHNN Chi nhánh tỉnh Bến Tre	CV Nghiệp vụ				
6095	3	Nguyễn Kim Danh		13/3/1988	NHNN Chi nhánh tỉnh Bến Tre	CV Nghiệp vụ				
6096	4	Nguyễn Hồ Hoàng Diệp		17/10/1986	NHNN Chi nhánh tỉnh Bến Tre	CV Nghiệp vụ				
6097	5	Nguyễn Mai Đoàn	24/02/1994		NHNN Chi nhánh tỉnh Bến Tre	CV Nghiệp vụ				
6098	6	Châu Thị Thu Giang		19/10/1992	NHNN Chi nhánh tỉnh Bến Tre	CV Nghiệp vụ				
6099	7	Trần Thị Ngọc Hà		20/8/1995	NHNN Chi nhánh tỉnh Bến Tre	CV Nghiệp vụ				
6100	8	Dương Thị Kim Hoàng		10/10/1987	NHNN Chi nhánh tỉnh Bến Tre	CV Nghiệp vụ				
6101	9	Nguyễn Lê Toàn Cẩm Linh		28/8/1993	NHNN Chi nhánh tỉnh Bến Tre	CV Nghiệp vụ				
6102	10	Đặng Hoài Nam	10/9/1994		NHNN Chi nhánh tỉnh Bến Tre	CV Nghiệp vụ				
6103	11	Ngô Thị Kim Ngọc		22/11/1992	NHNN Chi nhánh tỉnh Bến Tre	CV Nghiệp vụ				
6104	12	Võ Thị Nguyên Ngọc		31/7/1991	NHNN Chi nhánh tỉnh Bến Tre	CV Nghiệp vụ				
6105	13	Lý Thị Thảo Nguyên		20/4/1987	NHNN Chi nhánh tỉnh Bến Tre	CV Nghiệp vụ				
6106	14	Phạm Huỳnh Yến Nhi		02/3/1990	NHNN Chi nhánh tỉnh Bến Tre	CV Nghiệp vụ				
6107	15	Nguyễn Thanh Phương	10/02/1971		NHNN Chi nhánh tỉnh Bến Tre	CV Nghiệp vụ				
6108	16	Phạm Thị Tố Quyên		25/9/1995	NHNN Chi nhánh tỉnh Bến Tre	CV Nghiệp vụ				
6109	17	Nguyễn Thị Bảo Trân		10/01/1986	NHNN Chi nhánh tỉnh Bến Tre	CV Nghiệp vụ				
6110	18	Nguyễn Vũ Hùng Vương	23/10/1993		NHNN Chi nhánh tỉnh Bến Tre	CV Nghiệp vụ				
6111	19	Trần Ngọc Minh Vy		13/02/1993	NHNN Chi nhánh tỉnh Bến Tre	CV Nghiệp vụ				
6112	20	Ngô Thị Diễm Xuân		25/3/1993	NHNN Chi nhánh tỉnh Bến Tre	CV Nghiệp vụ				
6113	21	Bùi Thị Mỹ Yến		15/11/1993	NHNN Chi nhánh tỉnh Bến Tre	CV Nghiệp vụ				
6114	1	Huỳnh Thị Diễm		29/05/1995	NHNN Chi nhánh tỉnh Đồng Tháp	CV Nghiệp vụ				
6115	2	Trần Ngọc Diệp Hà Giang	14/04/1990		NHNN Chi nhánh tỉnh Đồng Tháp	CV Nghiệp vụ		x		Học Thạc sĩ bằng tiếng nước ngoài

SBD	TT	Họ và tên		Ngày sinh		Đơn vị dự thi	Vị trí	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
				Nam	Nữ			Tin	Anh		
6116	3	Trương Ngọc	Khỏe	25/08/1985		NHNN Chi nhánh tỉnh Đồng Tháp	CV Nghiệp vụ				
6117	4	Nguyễn Thị Diễm	Sương		21/04/1995	NHNN Chi nhánh tỉnh Đồng Tháp	CV Nghiệp vụ				
6118	5	Nguyễn Thị Kim Tuyến			10/01/1993	NHNN Chi nhánh tỉnh Đồng Tháp	CV Nghiệp vụ				
6119	6	Mai Nguyễn Trúc	Thanh		18/07/1994	NHNN Chi nhánh tỉnh Đồng Tháp	CV Nghiệp vụ				
6120	7	Nguyễn Thị Hồng	Thắm		17/11/1987	NHNN Chi nhánh tỉnh Đồng Tháp	CV Nghiệp vụ	x			Cử nhân Tin học
6121	8	Lê Nguyễn Trúc Thi			19/08/1987	NHNN Chi nhánh tỉnh Đồng Tháp	CV Nghiệp vụ				
6122	9	Nguyễn Thu	Vân		04/06/1990	NHNN Chi nhánh tỉnh Đồng Tháp	CV Nghiệp vụ				
6123	1	Lưu Hoàng	Dung		08/11/1991	NHNN Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng	CV Nghiệp vụ				
6124	2	Phạm Kim	Duy	06/07/1995		NHNN Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng	CV Nghiệp vụ				
6125	3	Phạm Thị Quỳnh	Như		17/12/1993	NHNN Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng	CV Nghiệp vụ				
6126	4	Nguyễn Thị Kim Phượng			09/04/1994	NHNN Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng	CV Nghiệp vụ				
6127	5	Trần Phạm Ngọc	Thanh		28/12/1992	NHNN Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng	CV Nghiệp vụ			x	Dân tộc Hoa
6128	6	Nguyễn Thị Kim Thy			05/07/1991	NHNN Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng	CV Nghiệp vụ				
6129	7	Đào Thị Tú	Trân		01/11/1991	NHNN Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng	CV Nghiệp vụ				
6130	8	Cao Diệp	Duy	25/6/1990		NHNN Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng	Kỹ sư CNTT	x			Cử nhân Tin học
6131	9	Dương Đình	Long	11/08/1988		NHNN Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng	Kỹ sư CNTT	x			Cử nhân Tin học
6132	10	Bùi Viễn	Thông	29/3/1991		NHNN Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng	Kỹ sư CNTT	x			Cử nhân Tin học
6133	11	Nguyễn Việt	Trung	1978		NHNN Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng	Kỹ sư CNTT	x			Cử nhân Tin học
6134	1	Nguyễn Thúy	Diễm		22/12/1988	NHNN Chi nhánh tỉnh Vĩnh Long	CV Nghiệp vụ	x			Cử nhân Tin học
6135	2	Nguyễn Đăng	Khánh	03/02/1995		NHNN Chi nhánh tỉnh Vĩnh Long	CV Nghiệp vụ				
6136	3	Nguyễn Ngọc Thảo	Nguyên		09/01/1995	NHNN Chi nhánh tỉnh Vĩnh Long	CV Nghiệp vụ				
6137	4	Trần Huyền	Nhung		28/7/1994	NHNN Chi nhánh tỉnh Vĩnh Long	CV Nghiệp vụ				

SBD	TT	Họ và tên		Ngày sinh		Đơn vị dự thi	Vị trí	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
				Nam	Nữ			Tin	Anh		
6138	5	Nguyễn Vĩnh	Phú	01/01/1993		NHNN Chi nhánh tỉnh Vĩnh Long	CV Nghiệp vụ				
6139	6	Phạm Thị Cẩm	Tuyền		01/01/1993	NHNN Chi nhánh tỉnh Vĩnh Long	CV Nghiệp vụ				
6140	7	Phạm Thanh	Thuy		01/01/1991	NHNN Chi nhánh tỉnh Vĩnh Long	CV Nghiệp vụ				
6141	1	Nguyễn Thanh	Điền	05/01/1989		NHNN Chi nhánh tỉnh Trà Vinh	CV Nghiệp vụ				
6142	2	Nguyễn Thanh	Hoài		05/11/1994	NHNN Chi nhánh tỉnh Trà Vinh	CV Nghiệp vụ				
6143	3	Nguyễn Thị Yến	Linh		10/02/1991	NHNN Chi nhánh tỉnh Trà Vinh	CV Nghiệp vụ				
6144	4	Huỳnh Diễm	Phương		01/09/1985	NHNN Chi nhánh tỉnh Trà Vinh	CV Nghiệp vụ				
6145	5	Đặng Văn	Quý	17/06/1995		NHNN Chi nhánh tỉnh Trà Vinh	CV Nghiệp vụ				
6146	6	Lâm Châu Thủy	Tiên		18/08/1994	NHNN Chi nhánh tỉnh Trà Vinh	CV Nghiệp vụ			x	Dân tộc Khmer
6147	7	Nguyễn Thị Phương	Thảo		10/01/1993	NHNN Chi nhánh tỉnh Trà Vinh	CV Nghiệp vụ				
6148	8	Nguyễn Thị Phương	Trang		10/12/1995	NHNN Chi nhánh tỉnh Trà Vinh	CV Nghiệp vụ				
6149	9	Huỳnh Thị Trúc	Xinh		18/12/1994	NHNN Chi nhánh tỉnh Trà Vinh	CV Nghiệp vụ				
6150	1	Nguyễn Lệ	Chinh		13/11/1991	NHNN Chi nhánh tỉnh Hậu Giang	CV Nghiệp vụ				
6151	2	Trần Ngọc	Huyền		7/01/1993	NHNN Chi nhánh tỉnh Hậu Giang	CV Nghiệp vụ				
6152	3	Nguyễn Hữu	Nghĩa	08/06/1992		NHNN Chi nhánh tỉnh Hậu Giang	CV Nghiệp vụ				
6153	4	Lê Thị Minh	Thơ		15/10/1992	NHNN Chi nhánh tỉnh Hậu Giang	CV Nghiệp vụ				
6154	5	Nguyễn Ngọc	Trâm		03/09/1990	NHNN Chi nhánh tỉnh Hậu Giang	CV Nghiệp vụ				
6155	6	Nguyễn Thị	Hạnh		12/8/1993	NHNN Chi nhánh tỉnh Hậu Giang	CV Kế toán, Kiểm toán				
6156	7	Nguyễn Thị	Kiều		27/01/1986	NHNN Chi nhánh tỉnh Hậu Giang	CV Kế toán, Kiểm toán				
6157	8	Nguyễn Thị	Liên		23/7/1993	NHNN Chi nhánh tỉnh Hậu Giang	CV Kế toán, Kiểm toán				
6158	9	Huỳnh Chúc	Lựa		01/01/1984	NHNN Chi nhánh tỉnh Hậu Giang	CV Kế toán, Kiểm toán				
6159	10	Mai Bích	Ly		28/11/1993	NHNN Chi nhánh tỉnh Hậu Giang	CV Kế toán, Kiểm toán				

SBD	TT	Họ và tên	Ngày sinh		Đơn vị dự thi	Vị trí	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ			Tin	Anh		
6160	11	Phạm Thụy Bích Nhiên		18/12/1989	NHNN Chi nhánh tỉnh Hậu Giang	CV Kế toán, Kiểm toán				
6161	12	Phan Thị Thanh Tuyền		28/01/1989	NHNN Chi nhánh tỉnh Hậu Giang	CV Kế toán, Kiểm toán				
6162	13	Phạm Thị Thoa		10/09/1988	NHNN Chi nhánh tỉnh Hậu Giang	CV Kế toán, Kiểm toán			x	Con Bệnh binh
6163	14	Nguyễn Thị Bích Thủy		11/12/1994	NHNN Chi nhánh tỉnh Hậu Giang	CV Kế toán, Kiểm toán				

**TM. HỘI ĐỒNG
PHÓ CHỦ TỊCH**



**VỤ TRƯỞNG VỤ TỔ CHỨC CÁN BỘ
Nguyễn Văn Thạnh**

VIỆT